BÀI GIẢNG TỬ VI ĐẨU SỐ

LUẬN ĐOÁN LÁ SỐ TỬ VI

NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN & PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUAN LÁ SỐ

Sonchu.vn

HTTPS://SONCHU.VN

GIẢNG VIÊN: CHU ĐỊNH SƠN

THAYSONCHU@GMAIL.COM

LƯU ĐỒ LUẬN LÁ SỐ TỬ VI

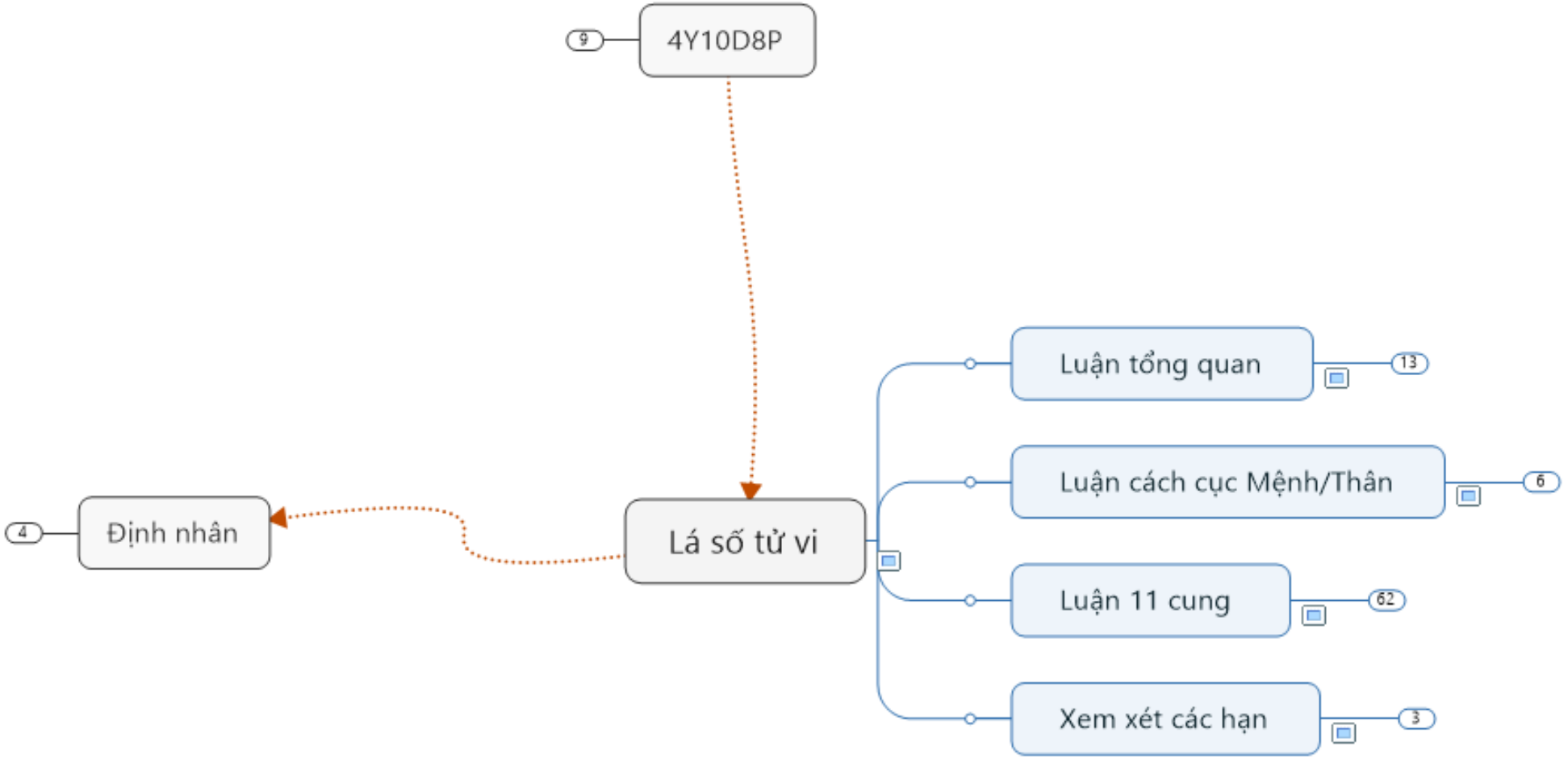

Tử vi Nam phái, là một hệ thống tử vi luận mệnh dựa trên các quan điểm truyền thống, cơ bản của tử vi, dựa trên "đẩu số toàn thư" và "thập bát phi tinh" làm gốc gác. Có 8 điều tâm pháp như sau:

1. "Trọng chư tinh miếu hãm" – quan trọng nhất là sự miếu hãm của chư tinh. Nam phái rất nghiêm ngặt trong vấn đề này. Cùng 1 sao, nhưng Miếu – hãm khác nhau thì dẫn đến tính chất khác nhau.

2. "Tối trọng tính lý chư tinh" – Tính lý chư tinh là cốt lõi của tất cả các vấn đề khác. Học tử vi không thể không biết, nhất là Nam phái.

3. "Tối trọng cách cục" – Nam phái định hình có vài trăm cách cục, người xem tử vi không thể không biết. Nó là phần rắc rối nhất của tử vi. Dựa theo vị trí của tử vi và tương quan cung Mệnh, có tất cả 144 thế cục chính mà phát triển thêm ở phụ tinh thành ra các trường hợp cụ thể khác nhau. Đây cũng là tinh túy của Nam phái.

4. "Trọng Nam Bắc đẩu tinh" – Phân chia Nam Bắc đẩu tinh rõ ràng, luận đoán vận hạn cũng chú trọng Nam-Bắc nhập hạn, Nam-Bắc sinh nhân. Dương nam-Âm nữ lấy Nam đẩu làm CÁT, nhập đại hạn chủ về 5 năm sau, lưu niên chủ về nửa năm sau. Âm Nam-Dương nữ lấy Bắc đẩu làm CÁT, nhập đại hạn chủ 5 năm đầu, lưu niên chủ nửa năm đầu.

5. "Trọng Mệnh cung CUNG KHÍ" – Cung khí của Mệnh cung là tổ hợp nạp âm của cung theo ngũ hành, lục thập giáp tý lập mệnh trên 12 cung vốn có cát hung khác nhau. Ví như Thìn cung lập mệnh, thì Mậu thìn - Mộc tam cục tối kỵ nhập Ngọ hạn, mà Canh thìn thì tối kỵ nhập Tý hạn v.v....

6. "Trọng song tinh tổ hợp cát hung" – các sao đều có Âm Dương phối ngẫu, nếu chỉ cô dương, cô âm ắt chẳng sinh thành, tác dụng vì thế mà thay đổi theo.

7. "Trọng Tứ hóa – Quý nhân" –Nam phái rất trọng Tứ Hóa và Quý nhân, định hình cách cục thành bại không thể thiếu.

8. "Trọng Cát hung nhị tính" – Tinh đẩu chia thành Hung-Cát hai phe, luận đoán phải cân nhắc nhiều ít nặng nhẹ. Tam Cát-Lục Cát-Bát Quý là THÀNH mà Lục Sát-Lục Bại-Tứ hung-Tứ sát là bại v.v..

TỨ YẾU

Các sao phân phối đóng tại 12 cung, biến hóa vô cùng. Có bốn điểm trọng yếu để phân biệt:

1. Cát – Hung
2. Hư – Thực
3. Chủ – Khách
4. Cường – Nhược

TỨ YẾU

1. Sao có sao thiện, sao ác; thiện là cát tinh, ác là hung tinh. Hung hay cát không phải chỉ căn cứ trên tính chất mỗi sao mà còn căn cứ trên chỗ đứng của nó đúng hay sai, miếu địa hay hãm địa.

2. Hư thực thế nào? Sao tốt nhập miếu địa mới là thực cát, thực cát thì không hung, dù gặp hung cũng chẳng sợ. Sao xấu rơi vào hãm đại mới là thực hung, thực hung thì không cát, dù cát cũng khó lòng giải. Sao tốt ở hãm địa là hư cát, hư cát là không tốt, còn có thể biến thành hung. Sao xấu ở miếu địa là hư hung, hư hung là không hung, cò có thể biến hung thành cát.

TỨ YẾU

3. Chia chủ khách ra sao? Lấy các sao ở bản phương làm chủ, các sao tại cung tam hợp hay xung chiếu là khách. Nếu như bản phương không có chính tinh tức không có chủ thì phải mượn sao ở cung xung chiếu làm chủ, các sao ở cung tam hợp làm khách. Trong trường hợp cả hai cung xung chiều cùng vô chính tinh thì lấy sao khách mà luận cát hung.

4. Cường nhược đây ý nói đến cường nhược trong tương quan chủ khách. Khách với chủ đều tốt là khách chủ tương đắc, khách với chủ đều xấu là một bầy bạo ngược thì khỏi đặt vấn đề cường nhược. Chủ khách vừa hung vừa cát thì phải xem xét chủ mạnh hay khách mạnh. Nếu chủ mạnh thì khách theo chủ, nếu chủ yếu thì khách kéo chủ đi. Cát cường cát thắng, hung cường hung thắng.

THẬP DỤ

Thập dụ là gì? Là mười điều cơ bản cho việc xem số ở mỗi cung cùng với cát hung tam hợp và cung xung chiếu:

1. Bản phương tốt (cát) là **"do nội tự cường"** mạnh từ bên trong mạnh ra
2. Bản phương xấu (hung) là **"tòng căn tự phạt"** hư từ gốc rễ
3. Cung xung chiếu tốt là **"nghênh xuân tiếp phúc"** chờ đón xuân phúc
4. Cung xung chiếu xấu là **"đương đầu ác bổng"** giờ đầu chịu búa đập
5. Cung tam hợp tốt là **"tả hữu phùng nguyên"** lắm chân tay giúp đỡ
6. Cung tam hợp xấu là **"tả hữu thụ địch"** địch từ phải trái đánh tới
7. Lân phương tốt là **"lưỡng lân tương phù"** hai bên hàng xóm phù trợ
8. Lân phương xấu là **"lưỡng lân tương vũ"** hai bên hàng xóm mưu hại
9. Cả bốn cung cùng tốt là **"thiên tường vân tập"** mây ngũ sắc kéo về chầu
10. Cả bốn cung cùng xấu là **"tứ diện sở ca"** bị vây tứ phía không lối thoát

BÁT PHÁP

Bát pháp là tám lối định cách cục khi xem số. Mệnh ai cũng thế, đều có cách cục ví như hình vuông, hình tròn, to nhỏ, đẹp xấu, lành vỡ của đồ vật. Cách cục của số mệnh nói cho hết thì nhiều vô cùng nhưng đây dùng lối quy nạp để đưa thành tám lối

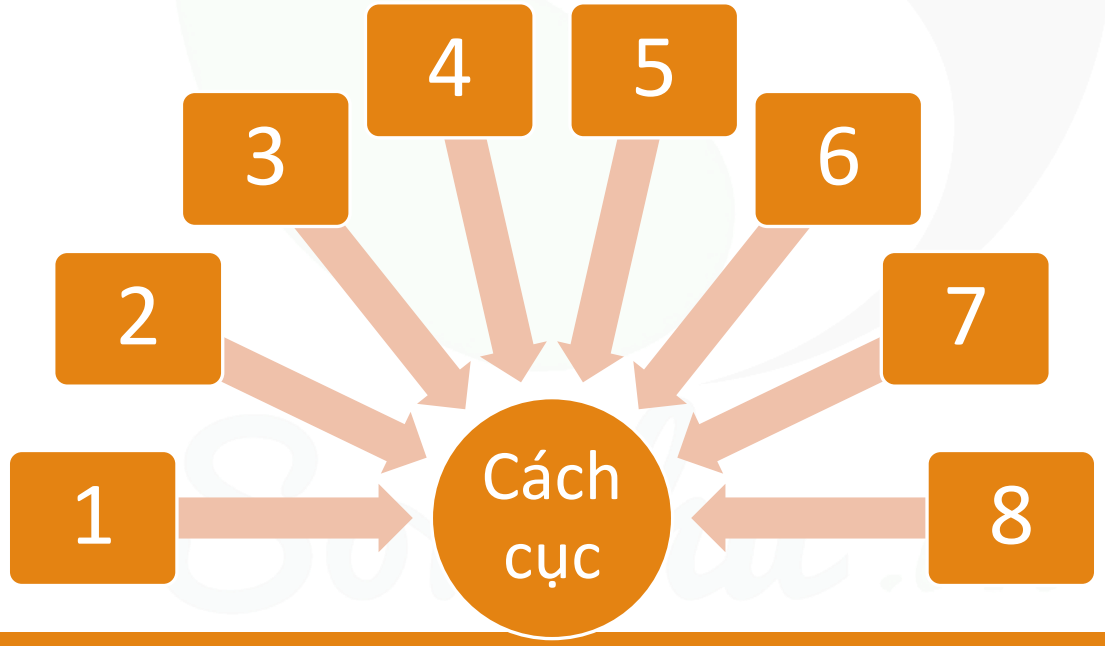

BÁT PHÁP

"Thành phá tứ pháp": *Phàm mệnh thân bản phương có sao cát, tại tam hợp đối cung nếu gặp:*

1. Khoa Quyền Lộc Quý (tứ cát) thì kể như cách cục hình thành, đáng phê mấy chữ "giao long đắc vận vũ" (rồng gặp mây nước)
2. Nếu gặp tứ hung Hỏa Linh Dương Đà kể như phá cách loại "miêu nhi bất tú" (chỉ nảy mầm mà không xanh tốt)
3. Nếu vừa gặp tứ hung vừa gặp tứ cát kể như trong thành có phá, chẳng khác chi "bạch khuê hữu điểm" (ngọc trắng có tì vết)
4. Cả tứ hung và tứ cát đều không thấy kể là cách chưa thành nhưng không bị phá, chờ xem hạn ra sao, giống như "hỗn kim phách ngọc" (vàng còn lẫn các khoáng chất tạp nham, ngọc chưa được lấy khỏi đá)

BÁT PHÁP

"Cứu khí tứ pháp": *Phàm mệnh thân bản phương có sao hung, tại tam hợp đối cung nếu gặp:*

5. Gặp Lộc Quý Quyền Khoa là cứu cách, hạn hán lâu ngày được cơn mưa "cửu hạn phùng cam vũ"

6. Gặp tứ sát Hỏa Linh Dương Đà là khí cách (bỏ đi), cây gỗ mục không thể khắc đẽo gì được "hủ mộc nan điêu"

7. Gặp vừa tứ cát lẫn tứ hung là vừa cứu vừa khí cách, giống như ăn gân gà "thực kê lặc"

8. Không gặp tứ cát lẫn tứ hung là cách "thủ tàn bão khuyết" nấn ná đợi thời.

SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC TINH ĐẨU TẠI 1 CUNG

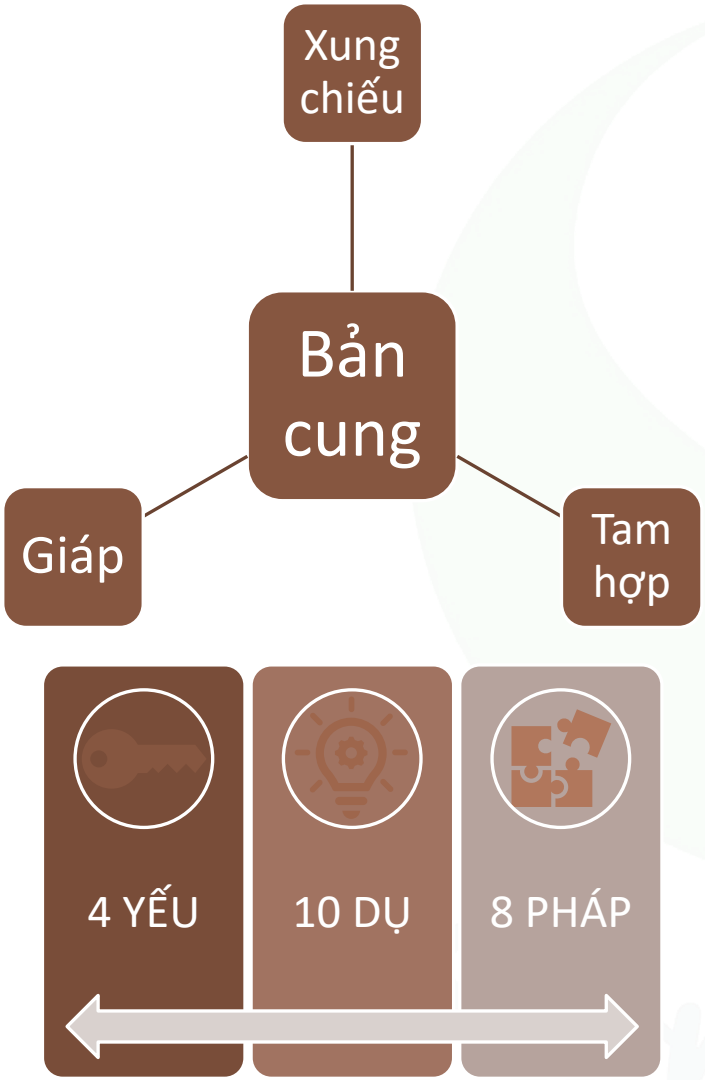

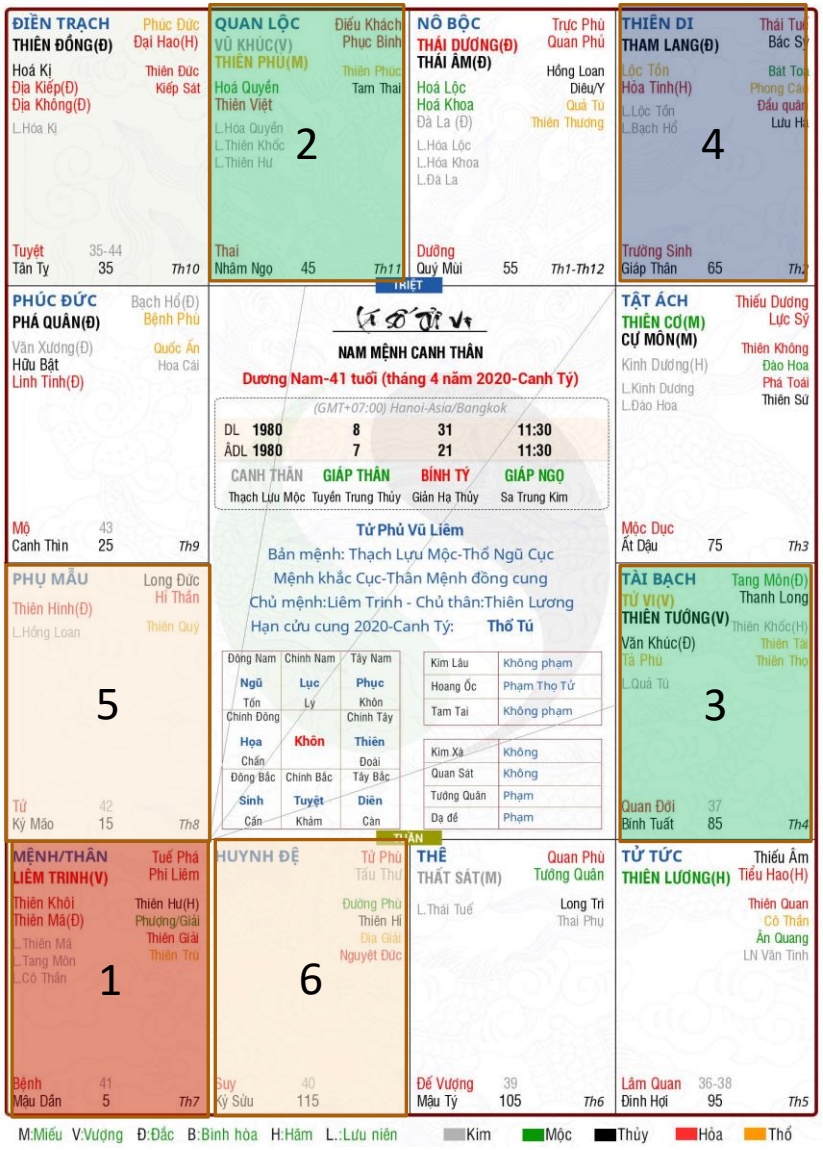

NỘI DUNG PHẦN LUẬN ĐOÁN CƠ BẢN

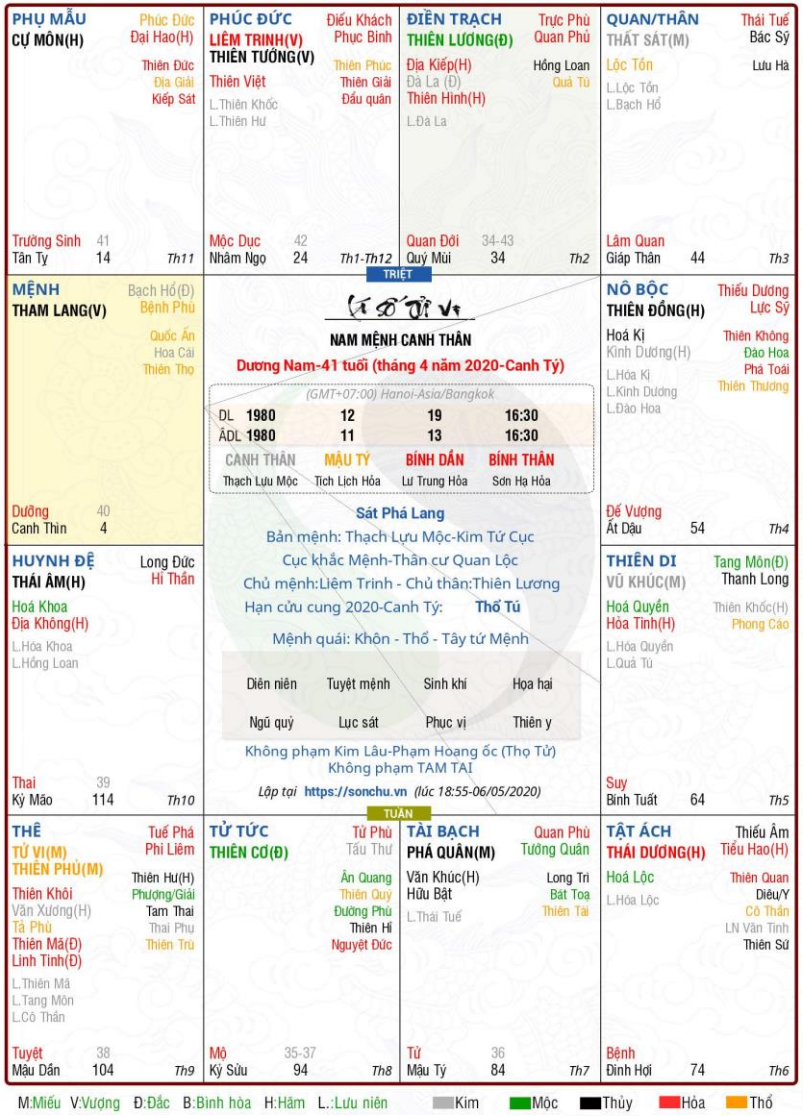

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN

ĐÁNH GIÁ MỆNH THÂN

ĐÁNH GIÁ CÁC CUNG CÒN LẠI

MỤC TIÊU LUẬN ĐOÁN

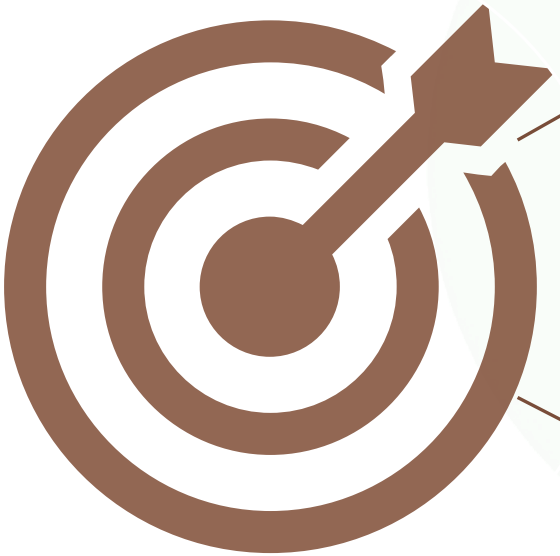

Phân loại

- Mẫu người
- Xu hướng hành vi

Đoán

- Tổng quan
- Xu thế các mối quan hệ

TRÌNH TỰ LUẬN ĐAONS

Tổng quan

- Thu thập thông tin + Đánh giá Tổng Quan

Mệnh Thân

- Đanh giá cung Mệnh
- Đánh giá cung Thân

Các cung khác

- Xác định và đánh giá cường cung
- Đánh giá các cung còn lại

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

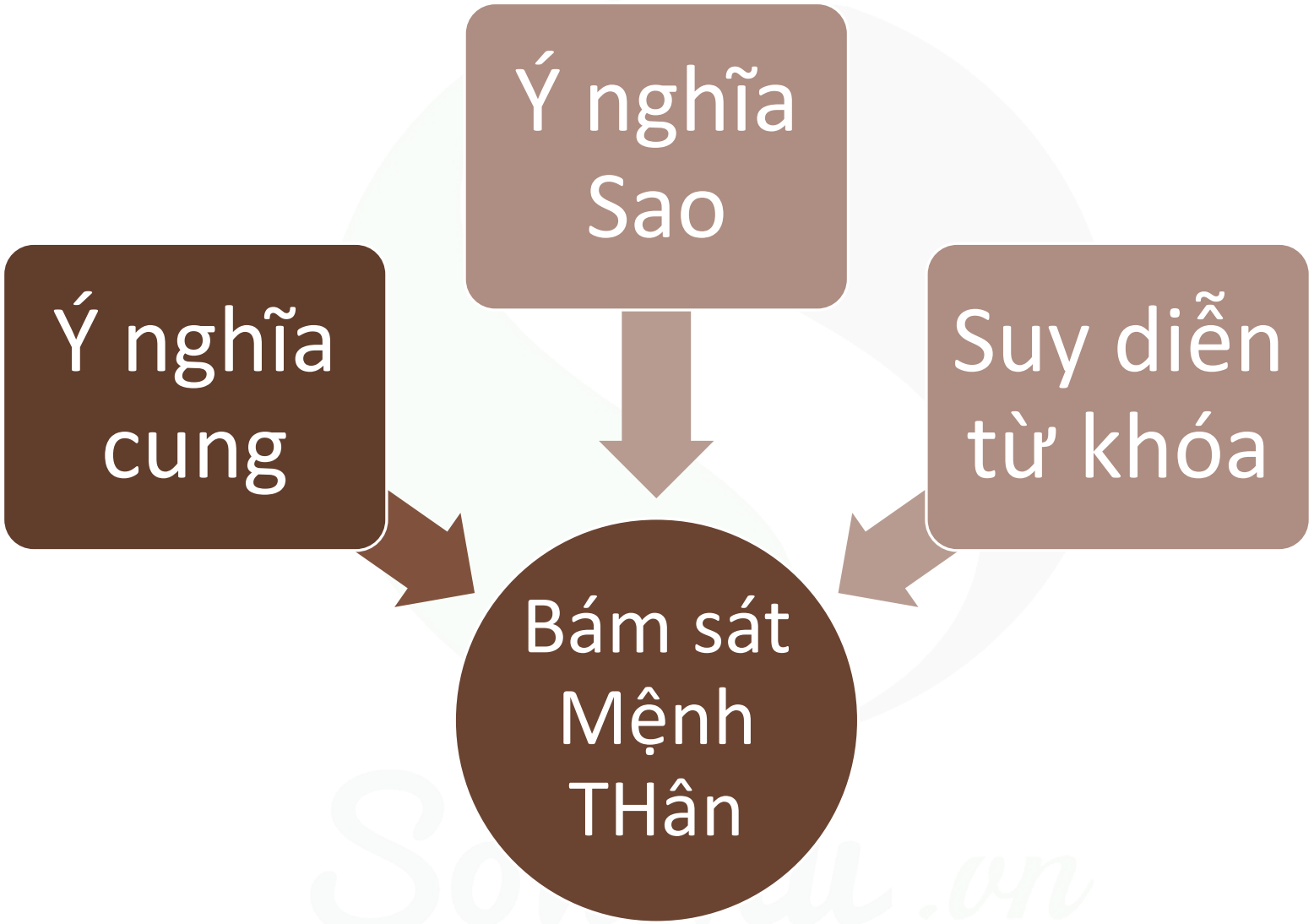

CÁC TRƯỜNG PHÁI TỬ VI ĐẨU SỐ

CÁC YẾU TỐ CẦN XEM XÉT

1. Âm dương
2. Mệnh Cục
3. Ngu Hành

Ý NGHĨA CUNG MỆNH TRÊN LÁ SỐ TỬ VI

Cung Mệnh là cung vị then chốt quan trọng nhất trong 13 cung trên lá số, cung này có mối quan hệ qua lại mật thiết với tất cả các cung còn lại, giống như đầu não của con người.

Cung Mệnh là cái bản thể của Bạn từ lúc sinh ra cho đến lúc về với cát bụi, ấy chính là mệnh Trời (thiên mệnh) quy định mọi điều hay dở trong đó. Cung Mệnh chi phối đến mọi cung, mọi vấn đề, và ngược lại, tất cả các cung, tất cả mọi vấn đề đều tác động ngược về Mệnh.

Xem cung Mệnh có thể có thể luận đoán vận mệnh giới hạn của một người. Các sao trong cung Mệnh thể hiện hình dáng, cá tính, xu hướng hành vi, tài năng và thành tựu một đời người.

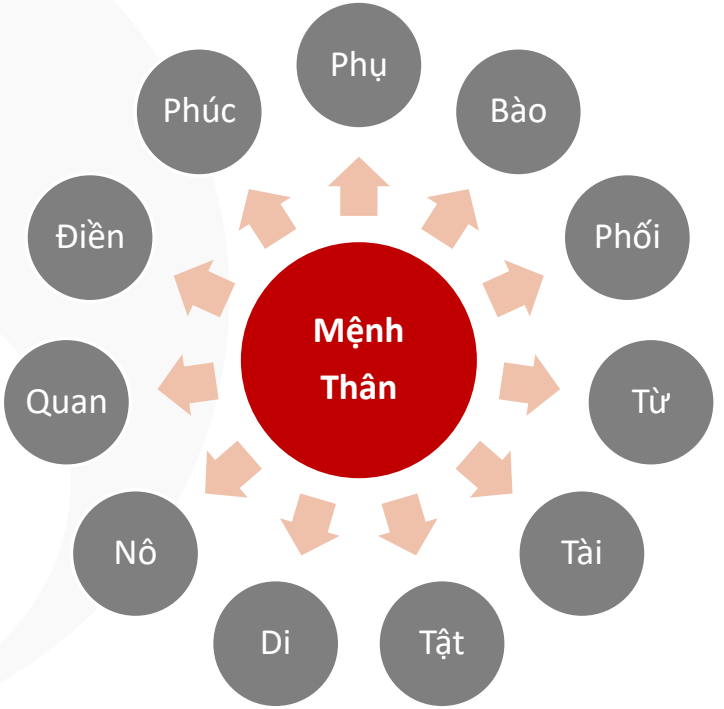

Ý NGHĨA CUNG THÂN TRÊN LÁ SỐ TỬ VI

Cung Thân là một cung đặc biệt trên lá số. Cung này luôn nằm chung với 1 trong 6 cung là: Mệnh ,Phu thê ,Tài bạch,Quan lộc,Thiên Di, Phúc đức. Cung Thân là cái hữu dụng của Bạn, tức là nó phản ảnh cái điều kiện, môi trường, khả năng thực thi của Mệnh. Cung Thân cũng tác động đến tất cả các cung, các vấn đề, và ngược lại. Cung Thân dùng đề luận đoán vận thế thực tế của một người. Sức ảnh hưởng của cung Thân tuy thua cung Mệnh nhưng lớn hơn 11 cung còn lại.

Để có thể ví dụ rõ hơn về ý nghĩa của cung Mệnh và cung Thân và sự tương quan giữa hai cung, ta có thể đưa ra hình ảnh cung Mệnh chính là chiếc xe hơi. Có nhiều loại xe hơi do các hãng khác nhau thiết kế với hình dạng, màu sắc, chất liệu, cấu hình phần cứng và phần mềm không giống nhau. Nhưng xét riêng trong một phiên bản xe, với cùng một thiết kế thì việc sản xuất ra dù đến hàng triệu cái trong một quy tình được kiểm soát chặt chẽ thì vẫn tạo ra các xe thực hoàn toàn không giống nhau. Cung Thân chính là chiếc người lái xe thật đã được sản xuất ra và đem vào sử dụng. Nó và cung Mệnh là một thể thông nhất không tách rời.

Ý NGHĨA CÁC CUNG KHÁC TRÊN LÁ SỐ TỬ VI

Toàn bộ các cung nhân bàn còn lại gồm Huynh đệ, Phu thê, Tử tức, Tài bạch, Tật ách, Thiên di, Nô bộc, Quan lộc, Điền trạch, Phúc đức, Phụ mẫu được hiểu là hình ảnh phản chiếu, là kết quả, là hệ quả của sự cư xử và thể hiện của Cung Mệnh và cung Thân trong lĩnh vực mà nó quản lý

Cung Phụ Mẫu : Có thể chỉ ra bối cảnh gia đình, địa vị của cha mẹ, tình thân giữa bản thân và cha mẹ.

Cung Phúc Đức : Phản ánh phản ánh mối quan hệ với họ hàng dòng tộc, phúc khí, sư may mắn, danh tiếng của tổ tiên để lại. Cung này cũng phán ảnh tình trạng cát hung có liên quan đến đời sống tinh thần như trạng thái tâm lí, nhân sinh quan, sở thích, hay thị hiếu.

Cung Điền Trạch : Dùng để luận đoán xem có được thừa kế cơ nghiệp tổ tiên hay không, cho đến tình trạng tạo dựng bất động sản và hoàn cảnh cư trú.

Cung Quan Lộc : Còn gọi là cung sự nghiệp, hoặc cung học vấn, cung ấp những thông tin liên quan đến sự nghiệp, học tập thành hay bại.

Ý NGHĨA CÁC CUNG KHÁC TRÊN LÁ SỐ TỬ VI

Cung Nô Bộc : Còn gọi là cung giao hữu, dùng để luận đoán về các mối quan hệ giao tế như với đồng nghiệp, người hợp tác làm ăn, bạn bè, cấp dưới.

Cung Thiên Di : Dùng để luận đoán về vận ở bên ngoài, mức độ phát huy tài năng và biểu hiện nắng động của một người.

Cung Tật Ách : Có thể cung cấp những thông tin về thể chất và tình hình sức khỏe của một con người, có ốm đau, bệnh tật gì đặc biệt không.

Cung Tài Bạch : Là cung sinh tài, dùng để luận đoán về tài vận, năng lực và Phương thức quản lý tài chính, tình hình kinh tế của một người.

Cung Tử Tức : Dùng để luận đoán khả năng có thể sinh con cái nhiều hay ít, giới tính nổi trội, cá tính, tư chất và trình độ học vấn của con cái.

Cung Phu Thê : Dùng để luận đoán tình cảm, kết hôn sớm hay muộn, tình trạng của người phối ngẫu, đời sống hôn nhân có mĩ mãn hay Cung Huynh Đệ : Dùng luận đoán mối quan hệ giữa bản thân với anh chị em ruột thịt, anh chị em họ hàng, đồng nghiệp, bạn bè thân thiết cho đến việc bản thân có được anh chị em giúp đỡ hay không.

CÁCH CỤC TRONG TỬ VI ĐẨU SỐ

Cách cục của Tử vi đẩu số là một khái niệm quan trọng trong Tử vi đẩu số.

- Cách = cấu trúc, dữ kiện không gian khi đương số ra đời
- Cục= Bố cục, giới hạn, dữ kiện thời gian khi con người ra đời

Cách cục là mô thức có liên quan đến vận mệnh với dữ kiện cơ sở là không gian và thời gian ra đời của đương số.

Trong tử vi, cách cục mệnh bàn của mỗi người đều có đặc điểm riêng, thậm chí cách cục mệnh bàn của một người cũng có nhiều loại, do đó trong suy đoán thực tế, chúng ta thường dựa vào tam phướng tứ chính của cung mệnh để xác định cách cục mệnh bàn, từ đó phân tích cát hung họa phúc trong vận mệnh.

Trong 1 lá số có nhiều cách cục khác nhau.

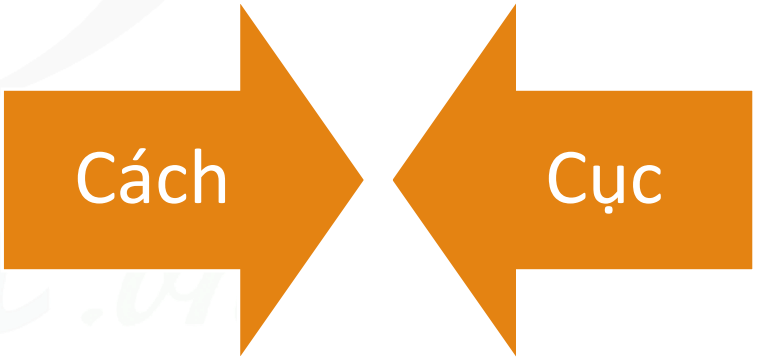

CÁCH CỤC TRONG TỬ VI ĐẨU SỐ

Phổ biến

Góc nhìn khác

Vị trí cung Mệnh

Vòng thái tuế

Vòng Lộc tồn

Vòng trường sinh

Cách cục chính tinh

Cách cục phụ tinh

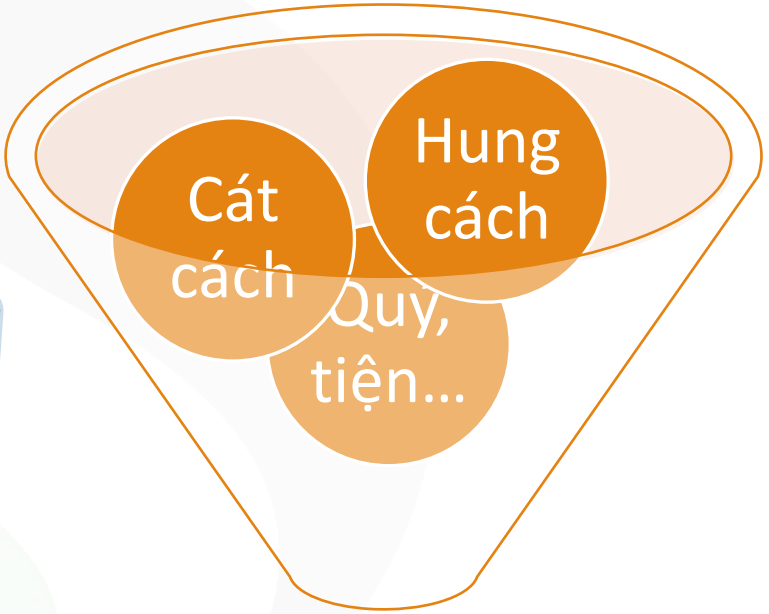

Vận mệnh

CÁCH CỤC TRONG TỬ VI ĐẨU SỐ

Cách Cục là cái Cách mà các tinh đẩu phân bố tại các cung vị nào đó, tạo nên Cục diện mang tính chất đặc trưng điển hình như giàu có, quyền quý, nghèo hèn,…
Xét từ góc độ mệnh lý, cách cục chính là loại kết cấu khác nhau của mệnh vận, căn cứ vào hoàn cảnh thời gian, và không gian, đặc tính và cục thế để phân tích và nghiên cứu, quy nạp thanh các mô thức tốt hoặc xấu
Một Cục diện tốt đòi hỏi các tinh đẩu phải đắc Thời đắc Vị, tức là các sao cần đứng ở nơi đắc miếu, cần phải có khí lực mạnh mẽ, Chính Tinh được rồi thì còn cần phụ tinh phò tá mới hữu lực, có Tam Kỳ (Khoa, Quyền, Lộc) tề tựu đủ - đúng vị trí - thời điểm, các tinh đẩu cần đi theo bộ cùng tính chất hòa hợp với nhau, ở chỗ sinh vượng địa hoặc cục thế vận hạn di chuyển đến chỗ sinh vượng của Cục số,…
Các Cách Cục cũng phân chia thành Thượng Cách (hay còn gọi là Chính Cách) và kém hơn một chút gọi là Thứ Cách, được nhiều điểm có tính chất ưu việt cho cục diện tốt thì ta gọi là Thượng Cách, nếu được ít hơn thì gọi là Trung Cách (còn gọi là Thứ Cách). Nếu ở nơi Tử Tuyệt, sao lại lạc hãm, không có cát hóa, không có cát tinh, lại gặp sát hung tụ hội thì gọi là Hạ Cách.
Thí dụ, người sinh năm Tân Ất mà Mệnh an tại Mão cung, có Cự Cơ thủ mệnh lại gặp Tả Hữu Xương Khúc thì là thượng cách, như người tuổi Bính thì là thứ cách, người tuổi Đinh thì cũng chủ bình thường, ngoài ra cung phận mà không ở đó (Mão) thì không luận như vậy.

Ngoài ra, nếu như một Cách Cục tốt đẹp đã được thành lập, nhưng lại bị Không Vong hay các sát tinh không hợp đến xâm phạm làm hỏng hoặc suy giảm đi tính chất tốt đẹp thì được gọi là Phá Cách.

Thí dụ, Mệnh hay Điền, Tài cung, mà có Thiên Phủ tại Mùi gặp Tả Hữu Xương Khúc, lại có Nhật Nguyệt giáp ở hai bên gọi là cách "Nhật Nguyệt giáp Tài", nhưng có Không Vong án ngữ ở Ngọ Mùi thì sẽ khiến cho Cách Cục trên bị rơi vào Phá Cách.

Bên cạnh đó, đối với một cách cục vốn có tính chất xấu, nhưng lại có sự cát hóa bởi Tam Kỳ và các cát tinh, khiến cho các tính chất của Cách Cục lại phản chuyển thành tốt đẹp, thì được gọi là Phản Cách.

Thí dụ, Mệnh có Thiên Đồng ở cung Tuất là cách xấu, trong 4 sao của Cách Cục này thì có Cơ Nguyệt Đồng toàn hãm (Thiên Đồng tọa bản cung) chỉ có Thiên Lương được đắc miếu. Nhưng nếu người mà sinh vào năm Đinh thì ba sao đang phản bối kia đều đồng loạt hóa cát, Nguyệt hóa Lộc, Đồng hóa Quyền, Cơ hóa Khoa.

Lại có một dạng Phản Cách nữa, đối với một cách cục vốn có tính chất xấu, nhưng nhờ có các Không Vong hay thêm Hóa Kị mà biến đổi theo cái lý biến dịch là "vật cực tắc phản", "cùng tắc biến", "biến tắc thông". Tuy nhiên, các phản cách này xét cho tường tận các phụ tinh cát và vận trình mới được, nếu không rất dễ sai lầm.

Thí dụ, "Mệnh Vô Chính Diệu gặp Tam Không", "Liêm Tham Tị Hợi ngộ Tuần hoặc Kị", "Tham Lang cư Tý ngộ Triệt Tuần", "Cơ Âm Diêu Hồng ở Dần Thân ngộ Tuần Triệt", "Âm Dương ở Sửu Mùi gặp Không Vong hoặc Kị",…

CÁC SAO SỬ DỤNG THƯỜNG XUYÊN TRONG LUẬN ĐOÁN

1. Tử Vi, Thiên Cơ, Thái Dương, Vũ Khúc, Thiên Đồng, Liêm Trinh
2. Thiên Phủ, Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân
3. Văn Xương, Văn Khúc, Tả Phụ, Hữu Bật, Thiên Khôi, Thiên Việt
4. Kình Dương, Đà La, Hỏa Tinh, Linh Tinh, Địa Không Địa Kiếp.
5. Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ
6. Thiên Mã, Lộc Tồn
7. Thiên Quý, Ân Quang, Phượng Các, Long Trì, Bát Tọa, Tam Thai,
8. Thiên Phúc, Thiên Quan. Phong Cáo, Thai Phụ, Thiên Hỉ, Thiên Thọ, Thiên Tài
9. Thiên Thương, Thiên Sứ, Thiên Khốc, Thiên Hư
10. Hoa Cái, Cô Thần, Quả Tú, Thiên Riêu
11. Kiếp Sát, Thiên Hình
12. Tuần Không, Triệt Không

PHÂN LOẠI CÁCH CỤC

Tổ hợp các sao ở các cung Mệnh, Di, Tài Quan hình thành các loại cách cục khác nhau, theo tính chất có 5 loại:

1. Cát cách: tổ hợp cát tinh miếu vượng (VD: Tử phủ đồng cung)
2. Hung cách: có các tổ hợp sát tinh kèm cặp hoặc quấy nhiễu (VD Dương Đà giáp sát)
3. Ác cách: có Hóa Kị hoặc Hóa Kị thêm sát tinh (VD Dương Đà hiệp Kị)
4. Vô cách: tổ hợp hỗn tạp
5. Đặc thù: tổ hợp mà khi cát hung tùy theo tình huống cụ thể (VD Hình Tù giáp Ấn)

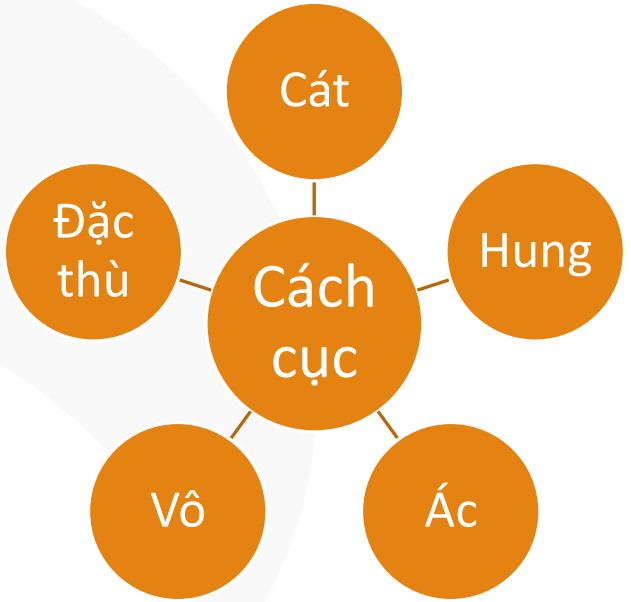

1. Tử phủ vũ tướng cách

- TPVT là cách của những người làm lớn, vì trong các sao này có Tử Phủ là 2 đế tinh
- Bộ Tử Phủ cần 2 sao Tả Hữu phò tá
- Cần xem xét ngũ hành bản mệnh với Sao nhập Mệnh → Quan → Tài
- Các trường hợp
  - *TPVT ở tam hợp Dần Ngọ Tuất*
  - *TPVT ở tam hợp Thân Tý Thìn*

Tóm lại: nên xét bản mệnh ngũ hành, ngồi cung nào, hội với sao nào, miếu hãm ra sao, để phân biệt tốt xấu cho nên cùng một cách TPVT mà không nên cơm cháo gì lại còn man ghận suốt đời vì sao ở Mệnh cung hãm địa, không cung một hành với bản mệnh. Mệnh lại cư cung hãm địa khắc chế với ngũ hành của bản mệnh.

2. Sát phá tham cách

- Cách SPT thường ứng về võ nghiệp hơn các cách khác, nhưng cũng phải xét ngũ hành bản mệnh hợp với sao nào, khi cư cung Mệnh và vị trí miễu, hãm địa để định mức độ tốt xấu
- Có các trường hợp
  - *SPT cư tại tam hợp Thân Tí Thìn*
  - *SPT cư tại tam hợp Hợi Mão Mùi*
  - *Liêm Tham tại Tị Hợi*
- SPT thường là anh hung lập nghiệp, tuy gian nan tân khổ nhưng thành công lẫy lừng, tính tình quả cảm thường thiên về võ nghiệp và sự phát đạt tột đỉnh cho người mệnh Kim, Mộc. Người Mệnh Thổ không thể nào vinh hiển được.

3. Cơ Nguyệt Đồng lương cách

- CNĐL là cách "tác lại nhân", thường là những người nói chung không mạo hiểm, cương cường như SPT, nhưng ôn lương trung hậu, giữu phận thủ thường, lo bổn phẩn, đời sống mực thước, ví như các công chức chuyên nghiệp. Tuy nhiên cần tủy theo các sao miếu hãm, hợp với bản mệnh để luận mức độ tốt xấu
- Có các trường hợp
  - *CNĐL tại tam hợp Dần Ngọ Tuất hoặc Thân Tí Thìn*
  - *Cách Cơ Âm*
  - *CNĐL tại Ngọ Tuất và Tý Thìn*

4. Nhật Nguyệt cách

- Cách Nhật Nguyệt cũng phải tùy theo vị trí miễu hãm của 2 sao và ngũ hành của bản mệnh hợp lại mà luận xét tốt xấu, không nên yêu kẻ sinh ban ngày, ghét kẻ sinh đêm, chỉ nên so sánh khi nào Thái dương ở các cung hãm địa, thời cung dương hợp hơn cung âm, và Thái âm ngược lại
- Người có cách Nhật Nguyệt nói chung ưa tranh đấu, nhất là chính trị, nhưng thành bài là tùy theo vị trí miếu hãm và các bộ sao phù trì.
- Cách Nhật Nguyệt tại chính cung không bằng cách ở Tam hợp hay xung chiếu
- Có các trường hợp
  - *Nhật Nguyệt tại Tý Ngọ*
  - *Nhật Nguyệt tại Hợi Mão*
  - *Nhật Nguyệt tại Sửu Mùi*

4. Vô chính diệu cách

- Khi cung Mệnh không có sao chính tinh gọi là vô chính diệu, vô chính diệu thường coi như không tốt, "phi yểu chiết nhi bần hàn", nhưng không hẳn thế
- Xem sao hung tinh cùng hành với bản mệnh, để thành cách hung tinh độc thủ: rất tốt, cuộc đời như anh hung tung mây lướt gió, thành công rực rỡ bao nhiều tùy thuộc trợ tinh khác
- Cung Mệnh có hung tinh hãm hoặc nhập miếu nhưng không đồng hành, tam hợp có xung sát là "phi yểu chiết nhi hình thương"
- Tam phương cát hung lẫn lộn, Mệnh không có có Triệt thì bôn ba lao khổ cả đời

4. Vô chính diệu cách

- Khi cung Mệnh không có sao chính tinh gọi là vô chính diệu, vô chính diệu thường coi như không tốt, "phi yểu chiết nhi bần hàn", nhưng không hẳn thế
- Xem sao hung tinh cùng hành với bản mệnh, để thành cách hung tinh độc thủ: rất tốt, cuộc đời như anh hung tung mây lướt gió, thành công rực rỡ bao nhiều tùy thuộc trợ tinh khác
- Cung Mệnh có hung tinh hãm hoặc nhập miếu nhưng không đồng hành, tam hợp có xung sát là "phi yểu chiết nhi hình thương"
- Tam phương cát hung lẫn lộn, Mệnh không có có Triệt thì bôn ba lao khổ cả đời

1.Cực Hướng Ly Minh

Cung Mệnh an tại Ngọ có Tử Vi, tam phương tứ chính không có sát tinh hội hợp chính là cách này. Bởi vì Tử Vi còn được gọi là Bắc Cực tinh, cung Ngọ còn thuộc vị trí quẻ Ly nên thành cách gọi này. Theo cách này thì Tử Vi miếu ở Ngọ, không nên gặp sát tinh, cho dù không có cát tinh hỗ trợ cũng chủ về phú quý giàu sang không nhỏ. Còn như được cát tinh hội hợp tức là đắc cách nếu không là quan lớn trong triều thì cũng là đại phú thương. Đây là một cách rất tốt đẹp, hơn hẳn các cách khác.

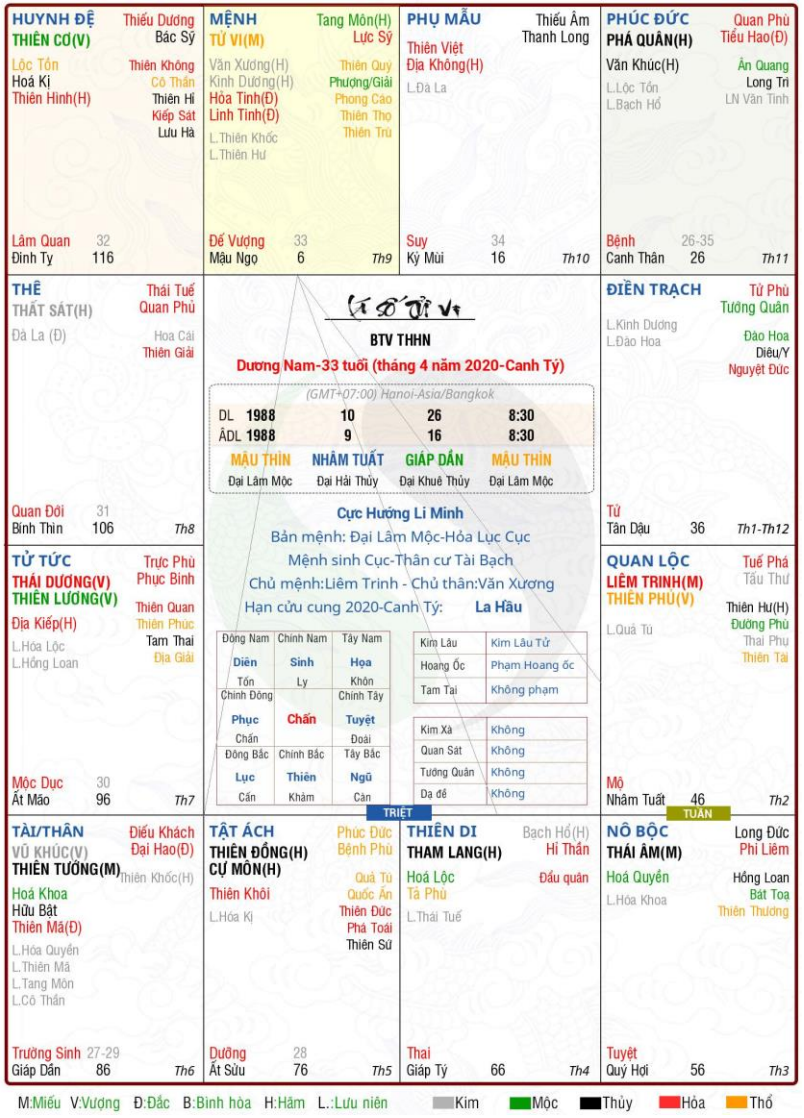

2.Tử phủ đồng cung: Đại phú đại quý

Mệnh an tại Dần Thân có Tử Vi Thiên Phủ đồng cung, có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp thì đúng cách, còn như không có cát tinh hay không cát hoá thì không hợp cách.

Người có cách này chủ được đại phú quý, phúc thọ song toàn. Người sinh năm Giáp hoá cát tuyệt đẹp, còn người sinh năm Đinh Kỷ Canh Quý cũng đẹp.

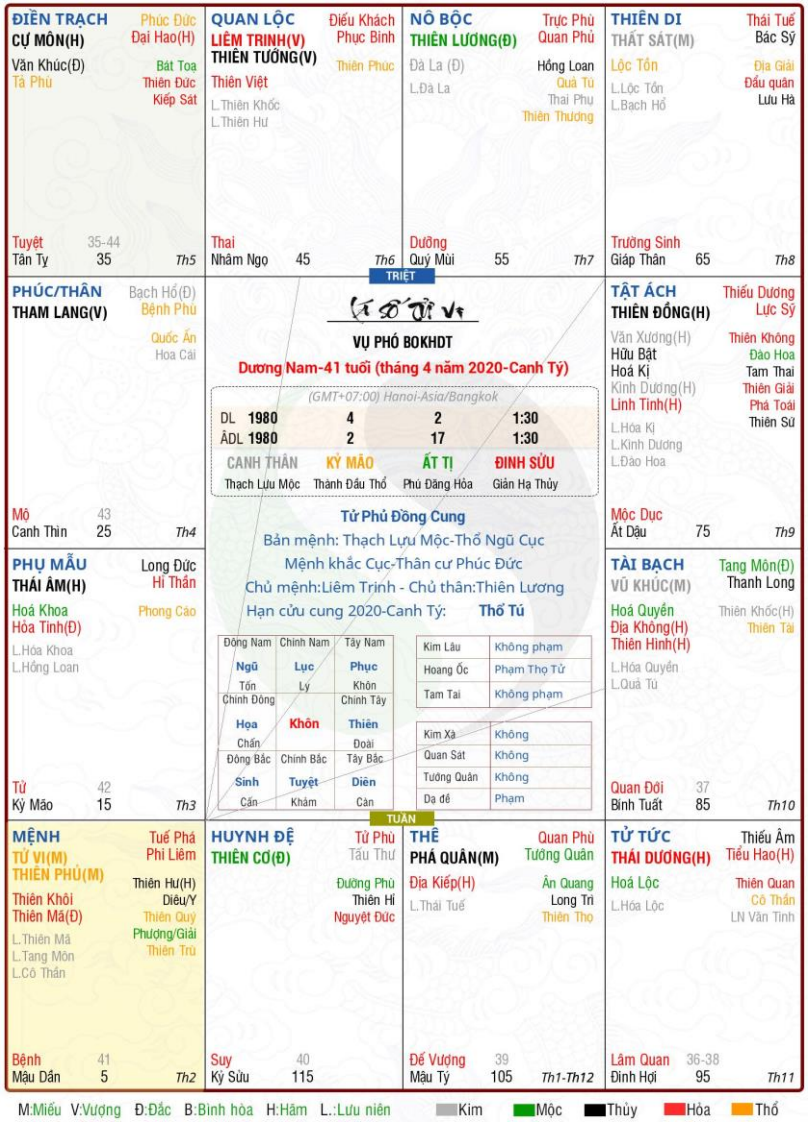

3.Tử Phủ Triều Viên

Tử Vi, Thiên Phủ miếu vượng hợp chiếu Mệnh, mà các cung tam phương tứ chính có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt thì thành cách Tử Phủ Triều Viên.

Cách này có bốn loại:

1- Mệnh có Vũ Khúc Thiên Tướng tại Dần Thân, tam hợp với Tử Vi Thiên Phủ.

2- Mệnh có Liêm Trinh tại Dần Thân, tam hợp với Tử Vi Thiên Phủ.

3- Mệnh có Liêm Trinh Thiên Tướng tại Tý Ngọ, tam hợp với Tử Vi Thiên Phủ.

4- Mệnh có Thiên Tướng tại Sửu, tam hợp Thiên Phủ, và đối cung (cung Thiên Di) có Tử Vi.

Được một trong những cách này không quý thì cũng được phú.

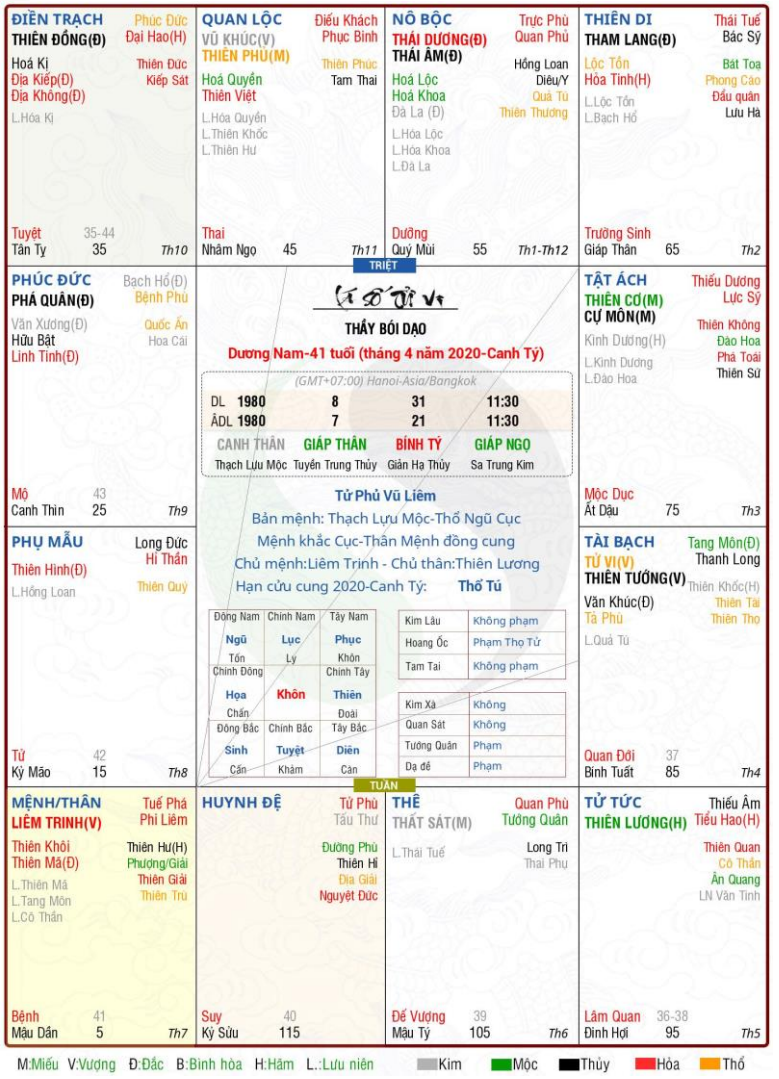

4.Thiên Phủ Triều Viên

Mệnh an tại Tuất có Thiên Phủ, Liêm Trinh đồng thủ hội Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu , Xương Khúc, Khôi Việt , không có sát tinh thì thành cách Thiên Phủ Triều Viên này, có Tả Phù hoặc Hữu Bật tại mệnh càng tốt hơn, người sinh năm Giáp Kỷ tốt nhất, kế là người sinh năm Đinh. Vị trí Tuất thuộc cung Càn, tức là ngôi vị của quân vương, Thiên Phủ là thần, người có mệnh như vậy chủ đại phú đại quý, giàu sang tột đỉnh.

5.Quân Thần Khánh Hội

Cung mệnh có Tử Vi, được Thiên Phủ, Thiên Tướng, Tả Phù, Hữu Bật, Văn Xương, Văn Khúc, Tam Thai, Bát Toạ, Long Trì Phượng Các, Ân Quang Thiên Quý cùng cát tinh ở tam phương tứ chính hội hợp, không có sát tinh thì thành cách này, thêm Lộc Tồn cũng như cát hoá cũng càng tốt đẹp hơn. Gặp Tứ Sát Không Kiếp cùng các ác tinh khác đồng cung hay hội chiếu thì không thành cách, chủ về bị kẻ dưới lấn ất. Tử Vi là vua, các sao Phủ Tướng, Tả Hữu, Xương Khúc là quân thần, cho nên gọi là Quân Thần Khánh Hội. Người được Mệnh này, không được đại quý thì cũng đại phú.

CÁC CÁCH CỤC CHÍNH TINH

Cách cục này gồm có:

① Cung Mệnh có Tử Vi Thiên Tướng đồng cung an tại Thìn hay Tuất, gặp Văn Xương Văn Khúc。
② Cung Mệnh có Thiên Phủ độc thủ tại Tị hay Hợi, gặp Thiên Cơ và Thái Âm, hai bên có Thiên Đồng với Thiên Lương giáp Mệnh。
③ Cung Mệnh có Tử Vi Phá Quân đồng cung, hai bên có Tả Phụ và Hữu Bật giáp Mệnh, nhị hợp có Lộc Tồn, Thiên Tướng và Văn Xương, Văn Khúc, Long Trì, Phượng Các xung chiếu, thêm vào nhiều cát tinh như Thiên Mã, Thai Phụ, Phong Cáo, Tam Thai, Bát Tọa tại tam phương tứ chính hội họp。

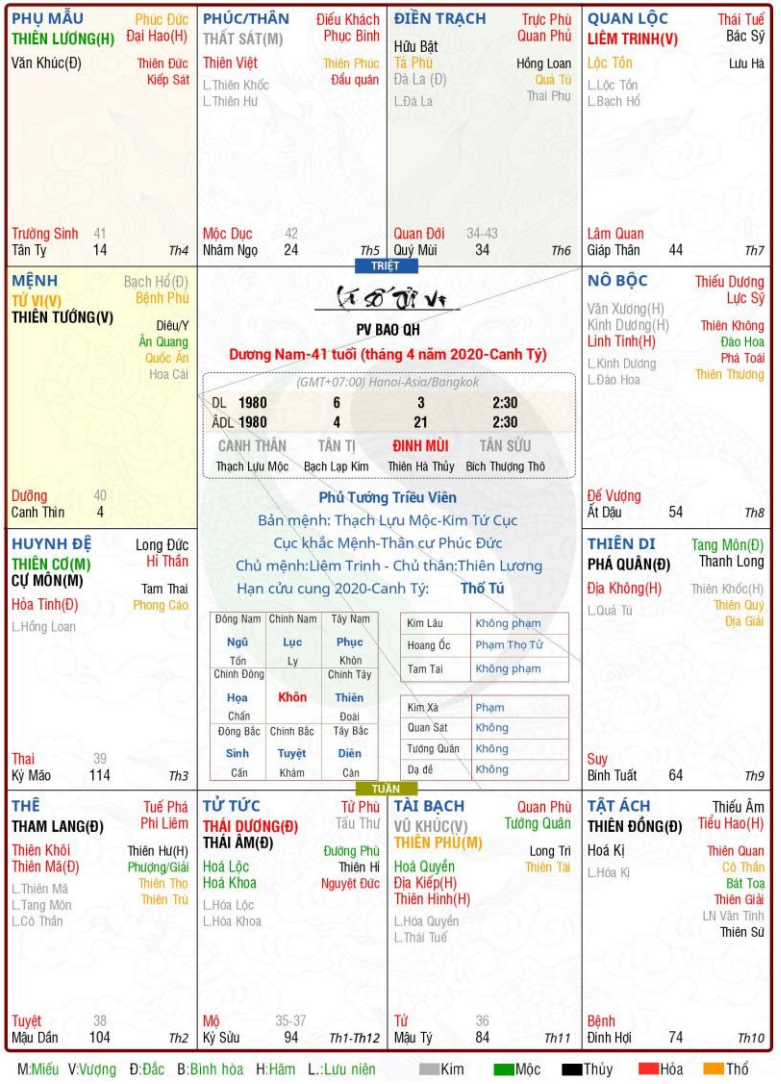

6.Phủ Tướng Triều Viên: Quan cao hưởng lộc

Hai chính tinh Thiên Phủ, Thiên Tướng: một ở cung Tài Bạch, một ở cung Quan Lộc hợp chiếu cung mệnh, tam phương tứ chính có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt cùng hội tụ thành cách Phủ Tướng Triều Viên, nếu có Tứ Sát Kiếp Không Hóa Kỵ hội tụ thì bị phá cách vậy.

Cách này có 3 loại:
1- Mệnh an tại cung Sửu Vô Chính Diệu, Tỵ (Quan Lộc) có Thiên Phủ, Dậu (Tài Bạch) có Thiên Tướng cùng chiếu về; hoặc cung Mệnh an tại Mùi Vô Chính Diệu, Thiên Phủ tại Hợi, Thiên Tướng tại Mão cùng chiếu về Mệnh; hoặc cung Mệnh an tại Mão Vô Chính Diệu, Thiên Tướng tại Hợi, Thiên Phủ tại Mùi cùng chiếu về; mệnh Vô Chính Diệu tại Dậu Thiên Tướng tại Tỵ, Thiên Phủ tại Sửu chiếu về.

CÁC CÁCH CỤC CHÍNH TINH

2- Mệnh an tại Sửu (hoặc Mùi) có Thiên Phủ, được Thiên Tướng tại Tỵ (hoặc Hợi) chiếu về; hay Mệnh an tại Mão (hoặc Dậu) có Thiên Phủ, được Thiên Tướng tại Mùi (hoặc Sửu) chiếu về; hay Mệnh an tại Tỵ. (hoặc Hợi) được Thiên Tướng tại Dậu (hoặc Mão) chiếu về.

3- Mệnh an tại Dần (hoặc Thân) có Liêm Trinh, được Thiên Phủ, Thiên Tướng tại Ngọ, Tuất (hoặc Tý, Thìn) chiếu về, đây chính là những cách Tử Phủ Triều Viên.

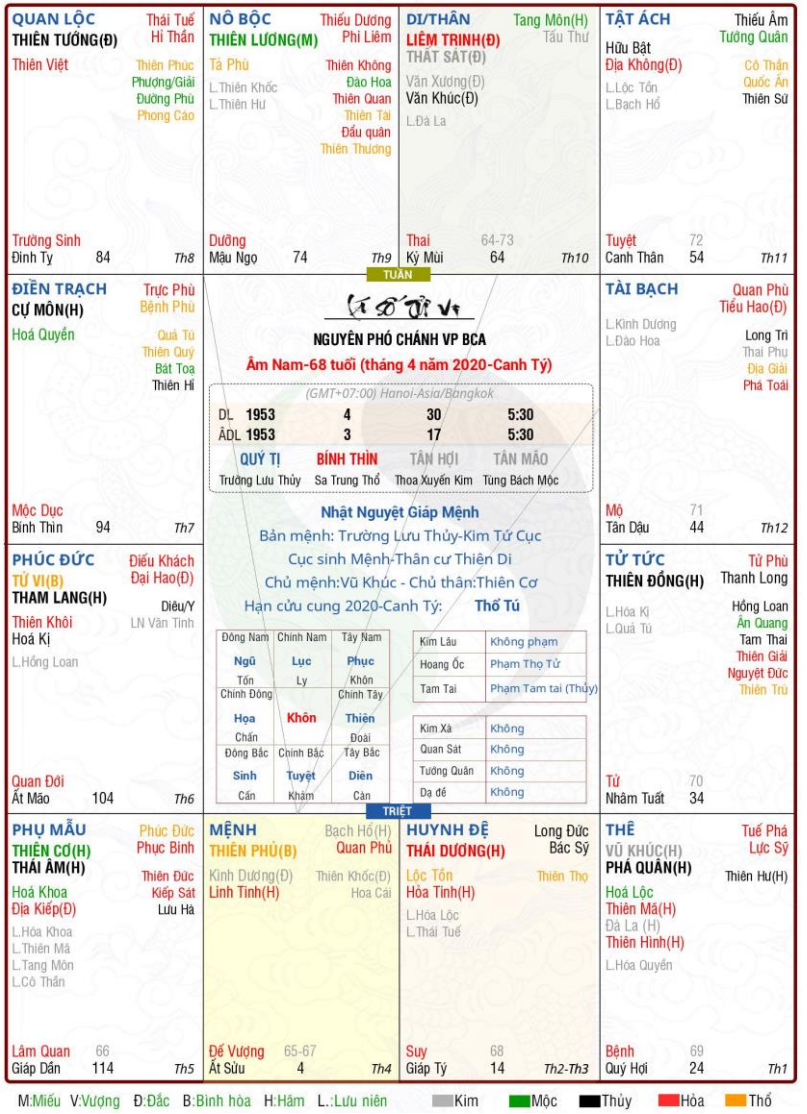

7.Tướng Tinh Đắc Địa cách : uy danh vang dội

Vũ Khúc miếu vượng thủ Mệnh gặp Lộc Tồn, Khoa, Quyền, Lộc, Tả , Xương, Khúc thuộc cách này.

NÔ BỘC THIÊN LƯƠNG(H) Hỏa Tinh(Đ) Long Đức Tiểu Hao(H) Hồng Loan Thiên Trù LN Văn Tinh Thiên Thương Tuyệt 88 Kỷ Tỵ 52 Th4	THIÊN DI THẤT SÁT(M) Văn Xương(H) Tả Phù L.Thiên Khốc L.Thiên Hư Bạch Hổ(H) Tướng Quân Phong Cáo Thiên Thọ Thai 89 Canh Ngọ 62 Th5	TẬT ÁCH Thiên Việt Địa Không(H) L.Đà La Phúc Đức Tấu Thư Thiên Quan Quả Tú Đường Phù Thiên Đức Thiên Sứ Dưỡng 90 Tân Mùi 72 Th6	TÀI/THÂN LIÊM TRINH(V) Hoá Lộc Văn Khúc(H) Hữu Bật Thiên Mã(H) L.Lộc Tồn L.Bạch Hổ Điếu Khách Phi Liêm Thiên Khốc(H) Trường Sinh 82-91 Nhâm Thân 82 Th7
QUAN LỘC TỬ VI(V) THIÊN TƯỚNG(V) Tuế Phá Thanh Long Thiên Hư(H) Mộ 87 Mậu Thìn 42 Th3	NGÔ BỘI PHỤ Dương Nam-87 tuổi (tháng 4 năm 2020-Canh Tý) (GMT+07:00) Hanoi-Asia/Bangkok DL 1934 4 20 8:30 ÂDL 1934 3 7 8:30 GIÁP TUẤT Sơn Đầu Hỏa MẬU THÌN Đại Lâm Mộc TÂN DẬU Thạch Lựu Mộc NHÂM THÌN Trường Lưu Thủy Tử Phủ Vũ Liêm Bản mệnh: Sơn Đầu Hỏa-Thủy Nhị Cục Cục khắc Mệnh-Thân cư Tài Bạch Chủ mệnh:Lộc Tồn - Chủ thân:Văn Xương Hạn cửu cung 2020-Canh Tý: La Hầu		TỬ TỨC Trực Phù Hỉ Thần L.Kình Dương L.Đào Hoa Thiên Phúc Địa Giải Lưu Hà Mộc Dục Quý Dậu 92 Th8
ĐIỀN TRẠCH THIÊN CƠ(M) CỰ MÔN(M) Địa Kiếp(H) Kình Dương(H) L.Hồng Loan Tử Phù Lực Sỹ Đào Hoa Diêu/Y Thiên Quý Nguyệt Đức Tử 86 Đinh Mão 32	Đông Nam: Diên, Tốn Chính Nam: Sinh, Ly Tây Nam: Họa, Khôn Chính Đông: Phục, Chấn Chấn Chính Tây: Tuyệt, Đoài Đông Bắc: Lục, Cấn Chính Bắc: Thiên, Khảm Tây Bắc: Ngũ, Càn Kim Lâu / Kim Lâu Tử Hoang Ốc / Phạm Hoang ốc Tam Tai / Không phạm Kim Xà / Không Quan Sát / Không Tướng Quân / Phạm Dạ đề / Không		THÊ PHÁ QUÂN(Đ) Hoá Quyền L.Quả Tú Thái Tuế Bệnh Phù Quốc Ấn Thai Phụ Hoa Cái Thiên Giải Thiên Tài Quan Đới Giáp Tuất 102 Th9
PHÚC ĐỨC THAM LANG(Đ) Lộc Tồn L.Thiên Mã L.Tang Môn L.Cô Thần Quan Phù Bác Sỹ Long Trì Bát Tọa Bệnh 83-85 Bính Dần 22 Th2	PHỤ MẪU THÁI DƯƠNG(Đ) THÁI ÂM(Đ) Thiên Khôi Hoá Kị Đà La (Đ) L.Hóa Lộc L.Hóa Khoa Thiếu Âm Quan Phủ Phá Toái Suy 84 Đinh Sửu 12 Th1-Th12	MỆNH VŨ KHÚC(V) THIÊN PHỦ(M) Hoá Khoa L.Hóa Quyền L.Thái Tuế Tang Môn(H) Phục Binh Phượng/Giải Tam Thai Đẩu quân Đế Vượng Bính Tý 2 Th11	HUYNH ĐỆ THIÊN ĐỒNG(Đ) Linh Tinh(H) Thiên Hình(H) L.Hỏa Kị Thiếu Dương Đại Hao(H) Thiên Không Cô Thần Ân Quang Thiên Hỉ Kiếp Sát Lâm Quan Ất Hợi 112 Th10

M:Miếu V:Vượng Đ:Đắc B:Bình hòa H:Hãm L.:Lưu niên Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ

8.Quyền Tinh Triều Viên (Hùng tú triều viên): tuổi trẻ đã nổi tiếng

Sao Liêm Trinh thủ Mệnh tại cung Mùi hay cung Thân không gặp sát tinh thì lúc trẻ đã làm nên sự nghiệp có danh tiếng và phát tài. Liêm Trinh tại cung Mùi có Hóa Lộc hoặc tại cung Dần hay cung Thân đồng cung với Lộc Tồn là thuộc cách "Liêm Trinh Thanh Bạch".

9.Liêm Trinh Văn Vũ: Văn võ song toàn

Sao Liêm Trinh thủ Mệnh tại cung Dần, Thân có văn xương, vũ khúc vây chiếu là cách cục này, chủ về văn chương hơn người, đỗ đạt cao

10.Cơ Nguyệt Đồng Lương: sự nghiệp ổn định

Đây là cách nói về mệnh an tại Dần hoặc Thân có Thiên Đồng, Thiên Lương đồng thủ, hoặc Thiên Cơ, Thái Âm đồng thủ, tam phương tứ chính Thiên Cơ Thái Âm, hay Thiên Đồng Thiên Lương hội chiếu, lại có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội tụ chính là cách này. Hoặc hai cung Thân, Mệnh có 4 sao Cơ Nguyệt Đồng Lương hội cát tinh cũng là cách này, phải có Văn Xương hoặc Văn Khúc tam hợp mới đúng cách

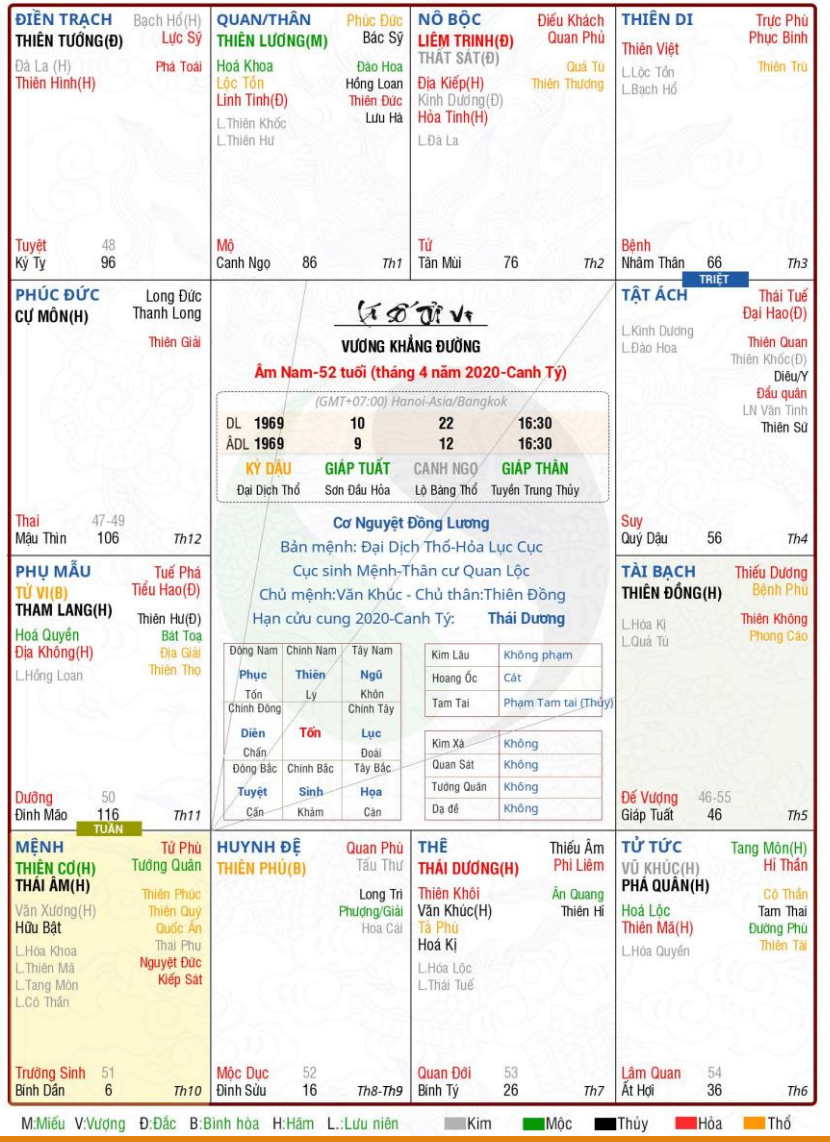

CÁC CÁCH CỤC CHÍNH TINH

Người có cách này, phần nhiều là làm việc cho cơ quan nhà nước, hoặc nhận chức trong xí nghiệp có quy mô lớn, làm công tác quản lý, công tác đối ngoại, thư ký văn phòng, cũng như lập kế hoạch công tác, nói chung thường là các công việc ổn định, ít nguy hiểm. Được cách cục tốt đẹp, phú quý cũng không nhỏ. Gặp sát tinh dĩ nhiên là phá cách. Cũng thường có những nhà chuyên môn rất nổi danh trong những nghề tự do. Mệnh an ở những cung khác mà có đủ 4 sao này hội tụ cũng đoán như vậy.

11.Cơ Lương Gia Hội:học rộng hơn người

Hai sao Thiên Cơ, Thiên Lương đồng thủ mệnh tại Thìn Tuất, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội tụ là thành cách Cơ Lương gia hội. Phần nhiều chủ có tài năng đặc biệt, tài học uyên bác, quan tâm đến chính trị, mưu kế tuyệt vời, chưởng quản binh quyền, có nhiều cát tinh chủ đại phú đại quý. Cát tinh ít, công việc thế nào cũng có liên quan đến ngành quân cảnh, tư pháp, nếu gặp sát tinh, phần nhiều là giáo chủ một tông giáo, là người sáng lập tà giáo, nhà thần học, triết học, tư tưởng hay thầy dạy về khí công. Không có cát tinh mà gặp sát tinh chắc chắn là phá cách, chủ về người có tư tưởng quái đản, người giỏi biện luận, tranh cãi, nên thường là giang hồ thuật sĩ, cửu lưu, tăng đạo, kỹ nghệ.

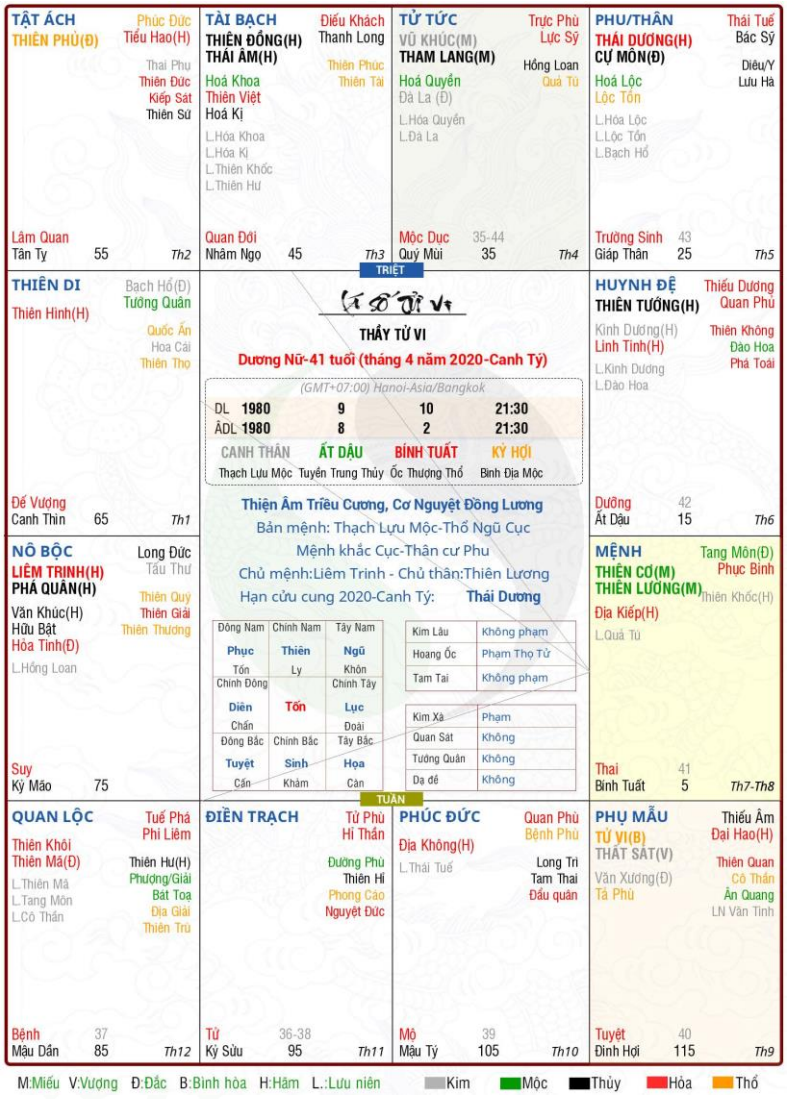

12.Văn Lương Chấn Kỉ: xuất tướng nhập tướng

Văn Khúc (hoặc Văn Xương) cùng Thiên Lương vượng địa thủ mệnh, tam phương có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Khôi Việt hội tụ đúng là cách Văn Lương chấn kỷ nên tham gia chính trị, gặp nhiều cát tinh, chủ đại quý. .

13.Cự Nhật Đồng Cung: lộc ăn có tiếng

Cự Môn, Thái Dương tại Dần, tam phương tứ chính có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt cùng cát tinh hội tụ chính là cách Cự Nhật đồng cung. Người có cách này, chủ đại quý, nên tham gia chính trị, sẽ là nhân vật nổi danh trong thiên hạ. Ai có cách này cả đời luôn có danh tiếng cao hơn là lợi lộc. Người sinh năm Canh Tân Quý không có tứ sát Kiếp Không hội tụ là thượng cách. Ở cung Thân cũng đẹp nhưng không bằng cung Dần, dù tam phương không có sát tinh hội tụ cũng không đẹp trọn vẹn.

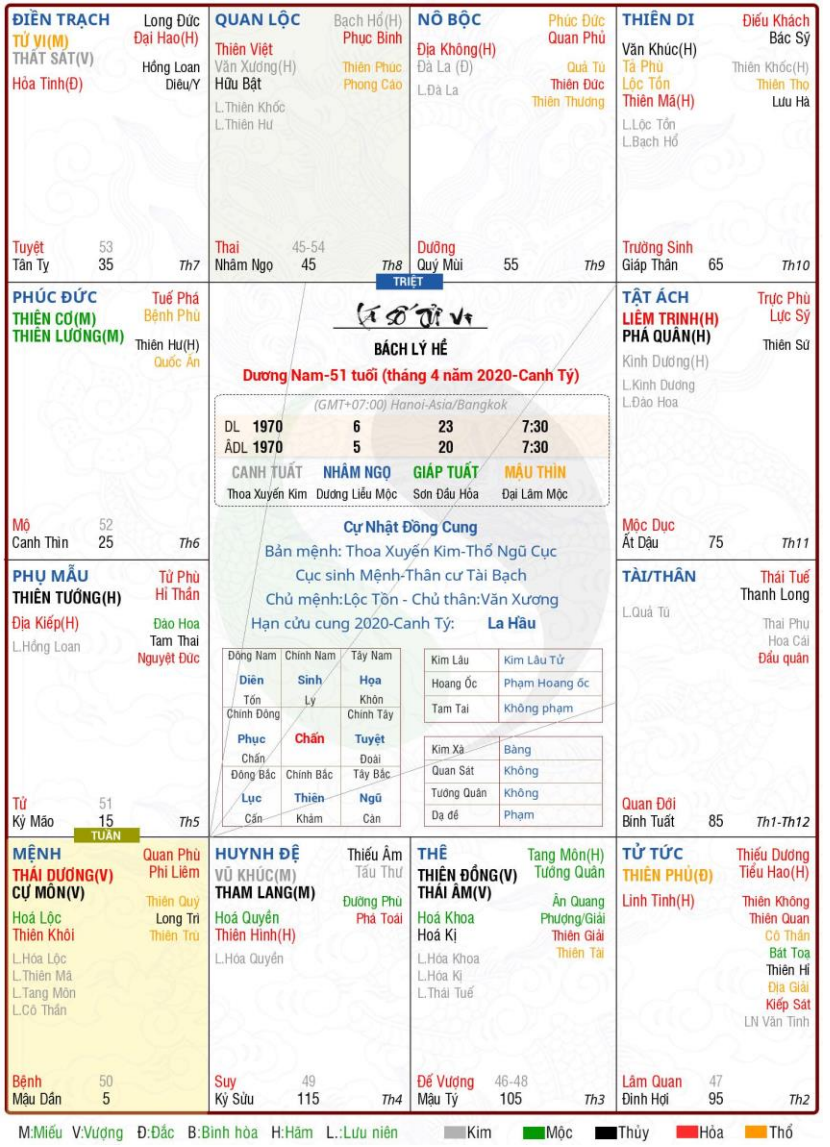

10.Kim Xán Quang Huy: Phú quý quyền thế

Cung Mệnh tại ngọ có Thái Dương thủ, gặp Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội họp là cách cục này. Cuộc đời đương số được đại quý, đại phú. Nếu như không có Xương Khúc Phụ Bật mà lại gặp Không Kiếp thì bị giảm thiểu đi nhiều. Người sinh năm Canh hoặc năm Tân có cách cục này thì phú quý toàn mỹ, thứ đến là người sinh năm Giáp Quý Đinh Kỷ.

14.Nhật Chiếu Lôi Môn:vinh hoa phú quý

Cũng có tên gọi là "Nhật Xuất Phù Tang", tức là người sinh ban ngày, mệnh an tại cung Mão có Thái Dương Thiên Lương, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu hội hợp chính là thành cách này. Tuy nhiên, chỉ có người sinh nam Ất; Tân hoặc Nhâm mới hợp cách này, người sinh năm Ất Tân tốt đẹp hơn (Nhâm). Những năm sinh khác cũng chủ cát lợi, ở tam phương tứ chính chớ nên có sát tinh mà bị giảm bớt cái đẹp. Sát tinh hội hợp thì phá cách, luôn gặp thất bại, tiểu nhân ngầm mưu hại.

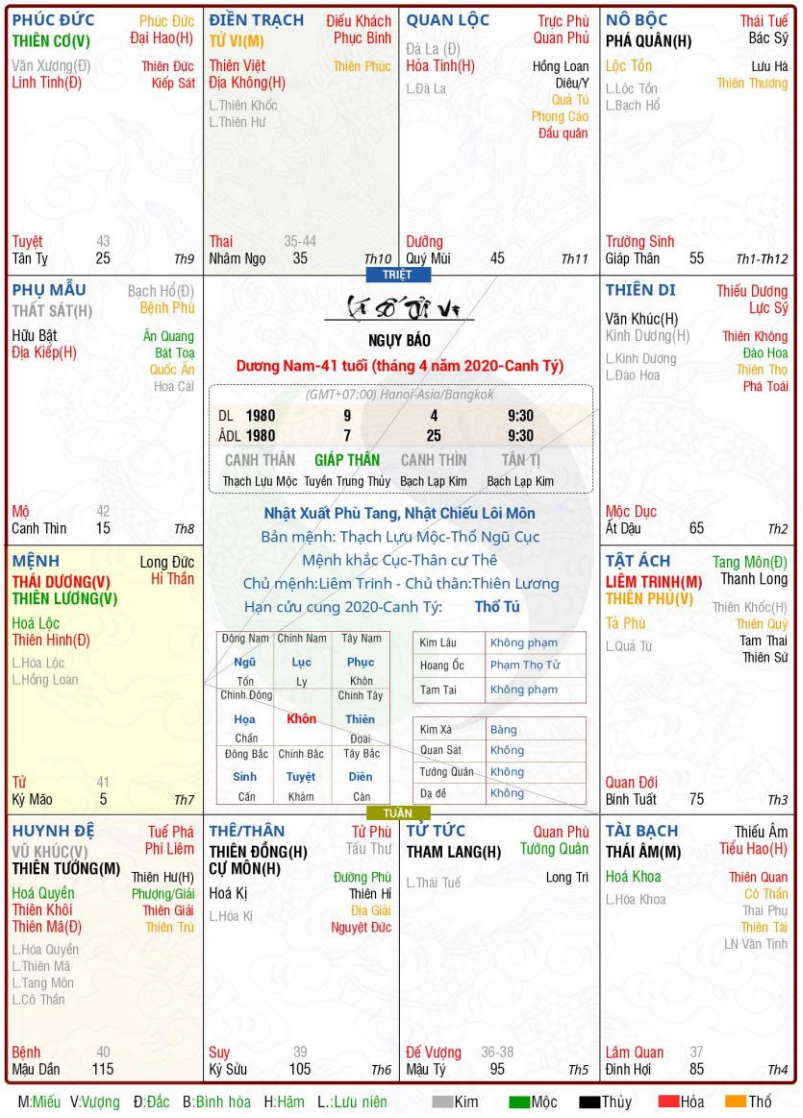

15.Dương lương xương lộc: tài học hơn người

Tức cách cục Nhật chiếu lôi môn, Thái dương và Thiên lương thủ mệnh tại Mão, nhưng cần là người sinh năm Ất, mệnh cung có Lộc tồn, lại có văn xương đồng cung mới đúng cách. Người này học vấn hơn người, vận thi cử cực tốt, là trọng thần quốc gia, người nổi tiếng trong chính giới, đại quý

16.Minh Châu xuất hải: Tài năng và giàu có

Mệnh tại Mùi vô chính diệu, Mão có Dương Lương, Hợi có Thái âm hội chiếu, tam Phương có nhiều cát tinh như Lộc tồn, Khoa, Quyền, Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi việt

Chủ về thi cử đỗ đạt, là viên chức quan trọng trong chính giới, một đời tiền bạc, chức vị đều đẹp, phúc thọ gồm đủ

Người sinh năm Ất, Bính, Tân, Nhâm là thượng cách

17.Nguyệt Lãng Thiên Môn: Phong hầu tấn tước

Cũng có tên khác là "Nguyệt lạc Hợi cung cách", tức người sinh vào chiều tối, mệnh an tại Hợi được Thái Âm thủ, có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp thì đúng cách vậy. Người được cách này không đại quý cũng được đại phú. Thái Âm cùng với Xương Khúc đồng cung chắc chắn rằng số đẹp tột cùng. Người sinh năm Ất Bính Mậu đẹp hơn người sinh năm Đinh Tân Canh. Mệnh cung bị sát tinh lâm vào thành phá cách.

18.Nhật Nguyệt Tịnh Minh: ắt là trọng thần

Có hai cách:

① Thiên Lương thủ mệnh tại Sửu, Thái Dương tại Tỵ, Thái Âm tại Dậu miếu vượng cùng hợp chiếu về mệnh. Người sinh năm Ất Bính Đinh Canh Tân đều hợp cách. Nếu lại có Lộc tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt gia hội là cách này.

② Mệnh vô chính diệu tại Ngọ, Cự Môn Thái Dương ở Dần, Thiên Đồng Thái Âm ở Tý, Nhật Nguyệt nhập miếu vượng cùng chiếu về cung mệnh.

Cách nêu trên đều cần phải có Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp mới thành cách.

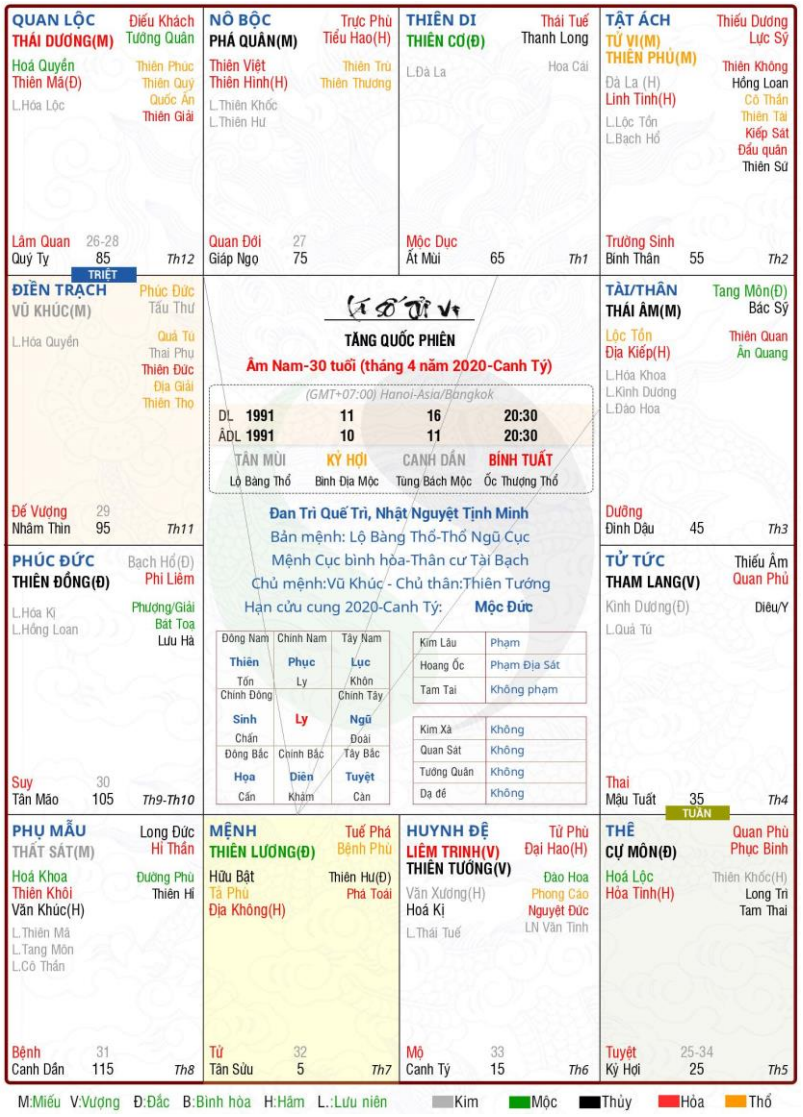

19. Nhị diệu đồng lâm : có tài năng của quan lớn

Mệnh đóng tại Sửu, Nhật Nguyệt tại Mùi hoặc ngược lại, ở tam Phương có Lộc tồn, Khoa quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc chiếu về, chủ về văn võ đều tài giỏi

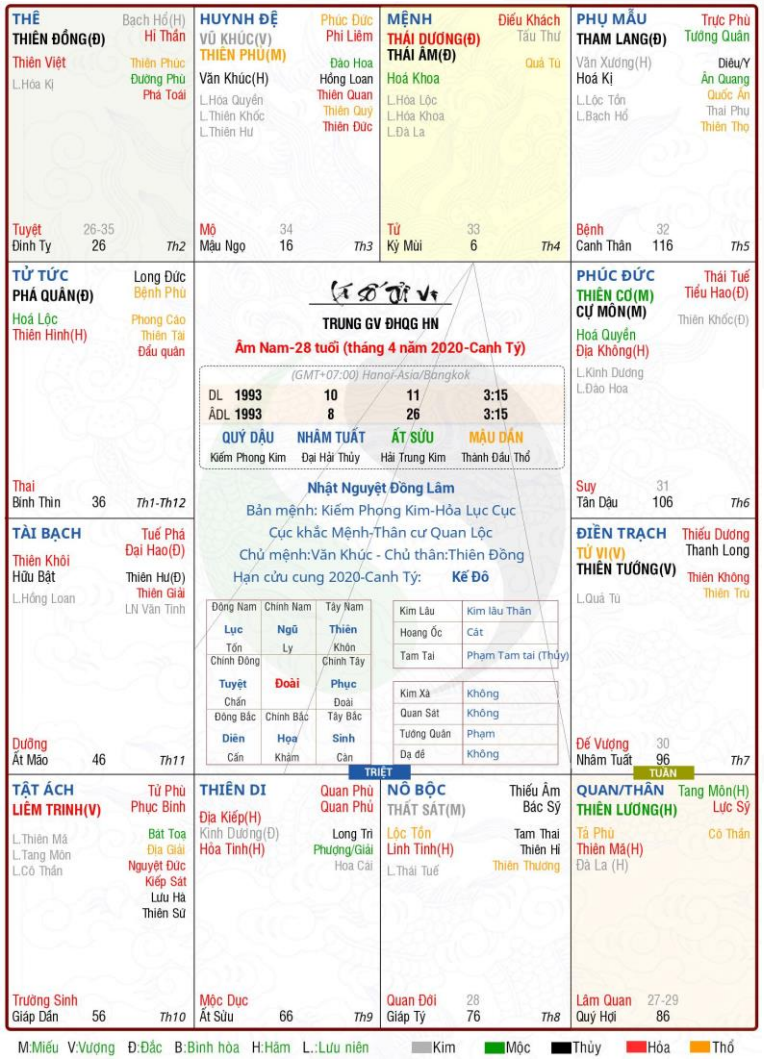

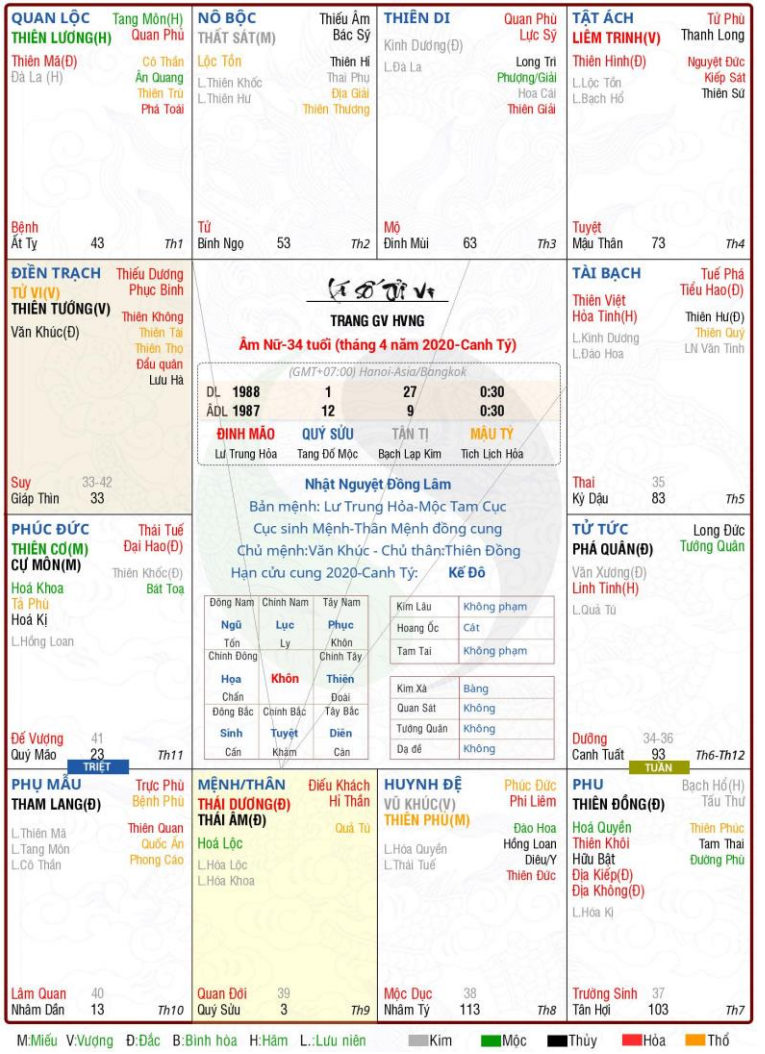

20.Đan Trì Quế Trì: tiền đồ tốt đẹp

Sao Thái Dương thủ Mệnh tại cung Thìn hoặc Tỵ, sao Thái Âm thủ mệnh tại cung Dậu hoặc Tuất, cả hai sao đều ở vị trí vượng địa, Thái Dương là Đan Trì, Thái Âm là Quế Trì, nên mới có cách gọi này. Mệnh có cách này thì sớm thành tựu, thi cử đỗ đạt, thừa kế tài sản, du học nước ngoài, hoặc làm việc trong những công ty tốt, sớm được bổ nhiệm vào chức vị cao, để làm người kế nhiệm trong tương lai, hoặc kinh doanh phát tài. Tam phương tứ chính có cát tinh gia hội thì tương lai càng thêm tốt đẹp.

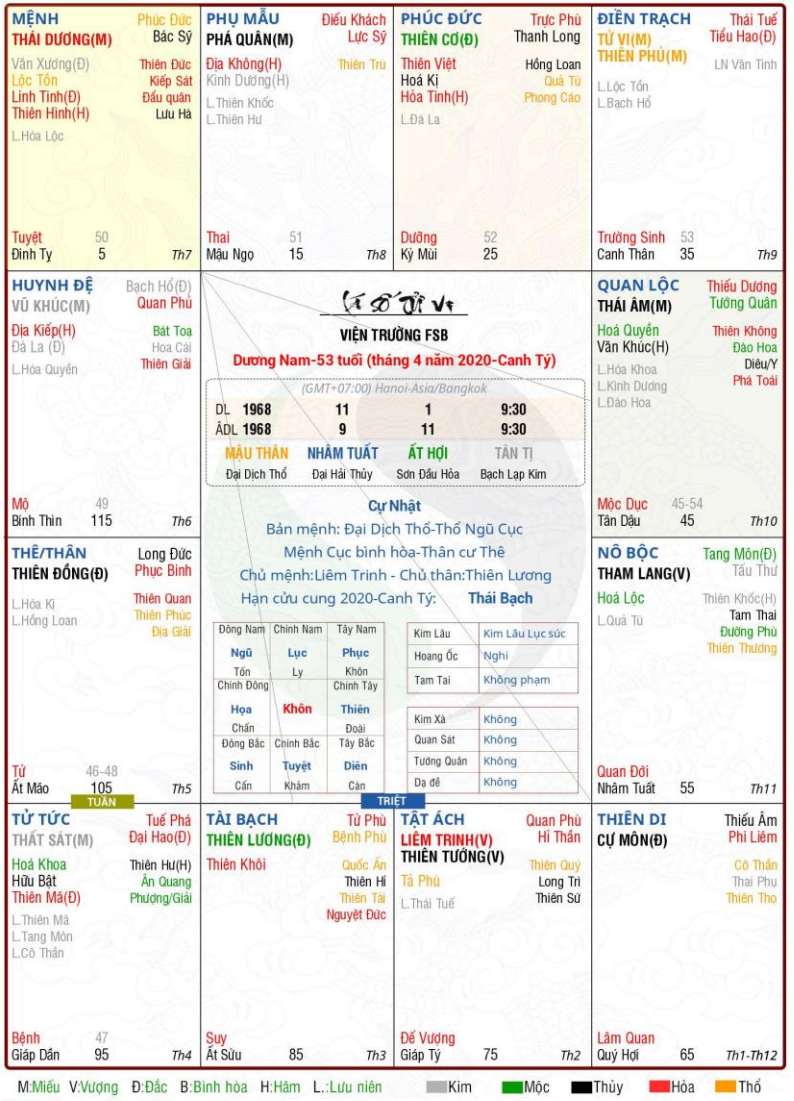

21. Nhật nguyệt chiếu bích: nhiều bất động sản

Nhật Nguyệt ở Điền trạch tại Sửu hoặc Mùi (Phá quân thủ mệnh tại Thìn Tuất) có Lộc tồn, Khoa quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt đồng cung hoặc hội chiếu.
Chủ giàu sang tuyệt bậc, có nhiều bất động sản,

Cung Mệnh cần nhiều cát tinh hội hợp, nếu chỉ có hung sát tinh thì vẫn nghèo hèn.

22.Nguyệt Sinh Thương Hải: thanh nhã cao quý

Mệnh an tại Tý có Thiên Đồng, Thái Âm, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp chính là cách "Nguyệt sinh thương hải" này. Hoặc là Thái Âm Thiên Đồng tại Tý thủ cung Điền Trạch, cùng với cát tinh hội hợp đều đươc cát hoá cũng là cách Nguyệt Sinh Thương Hải, đây là phối hợp mệnh cung cùng với những cung tốt đẹp khác để luận. Mệnh Đồng Âm tại Tý có cát tinh hội hợp là người thanh tú, ưu nhã, học vấn hơn nguòi, chủ đạt được tài phú cũng như thanh danh. Người được cách cục tốt đẹp này, thường là đại phú, đại quý.

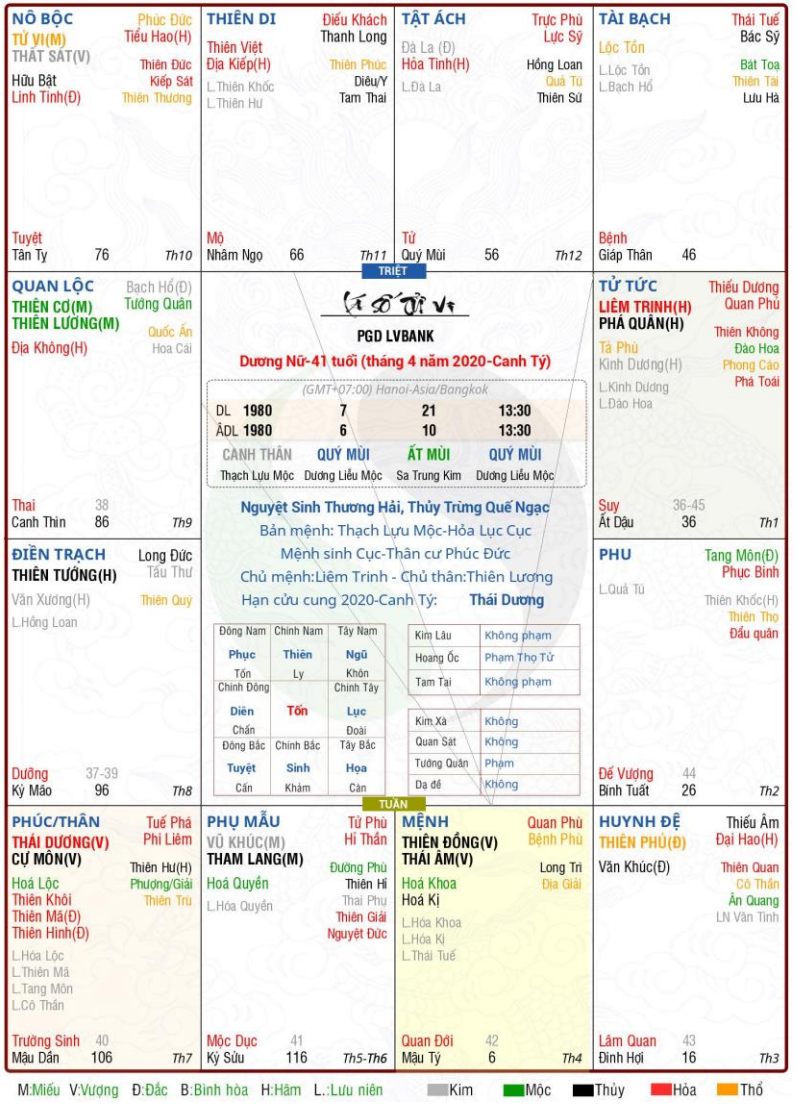

23.Thọ Tinh Nhập Miếu

Thiên Lương thủ Mệnh tại Ngọ, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp, đây chính là cách Thọ Tinh Nhập Miếu. Người được cách này thường là chính trực không tư lợi, không ích kỷ, học thức tuyệt vời, bản tính kiên quyết, biết cách giải quyết vấn đề khó khăn gai góc, có tài thu phục quần chúng, đây là người có sức khoẻ cường tráng, tuổi thọ cao, một đời danh lớn hơn lợi, có nhiều cát tinh hội hợp chủ đại quý. Người sinh năm Đinh là thượng cách, kế là người sinh năm Kỷ, người sinh năm Quý chỉ chủ về phú (giàu).

24.Anh Tinh Nhập Miếu

Phá Quân thủ mệnh tại Tý; Ngọ, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Khôi Việt hội hợp chính là cách này. Khi gặp vận tốt rời bỏ làng quê, nên theo quân sự hoặc nghề kinh thương, sẽ được phú quý song toàn, phát đạt bất ngờ. Người sinh năm Giáp năm Quý là thượng cách, chủ đại phú hoặc đại quý, người sinh năm Đinh năm Kỷ thì hạng kế. Còn người sinh năm Bính năm Mậu chủ gian nan khốn khổ, không hợp cách này

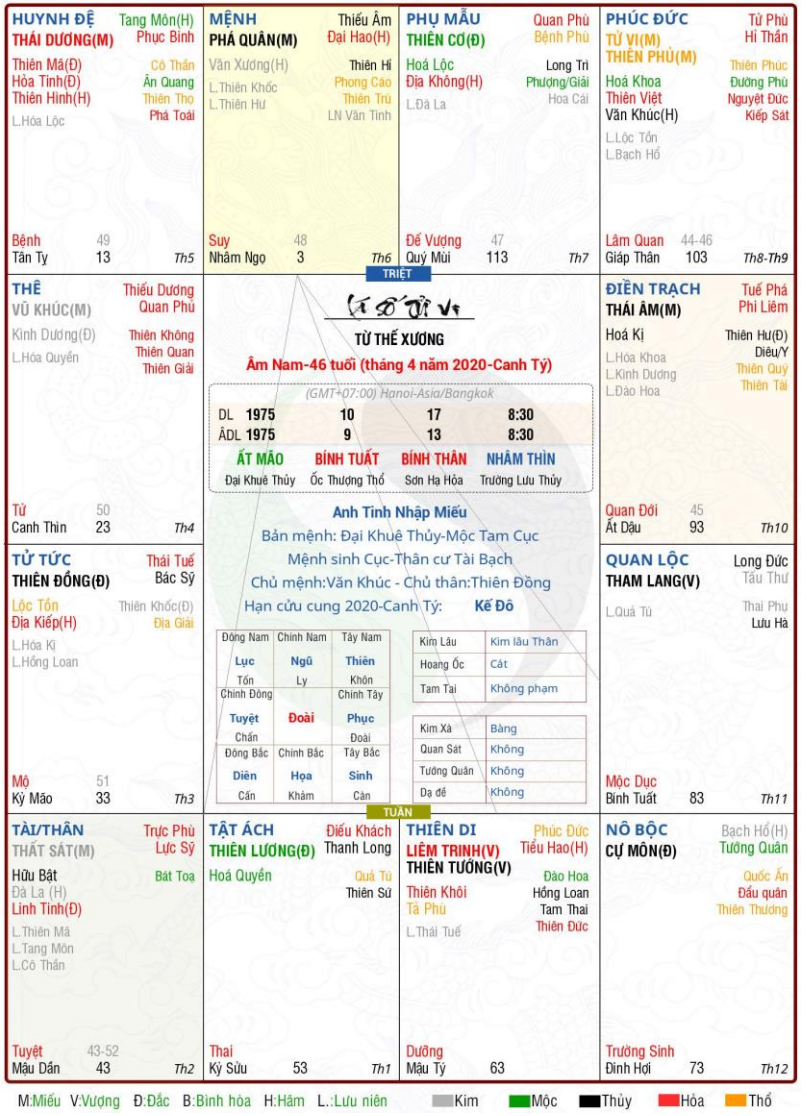

25.Thạch Trung Ẩn Ngọc: khoa cử, lợi lộc đều hưng thịnh

Mệnh tại Tý Ngọ có Cự Môn, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp chính là cách Thạch Trung Ẩn Ngọc - Ngọc ẩn trong đá, đây là cách chỉ thích hợp cho người sinh năm Tân, Quý. Người có cách này, lý tưởng cao xa, có tài đặc biệt, trí tuệ hơn người, người mà làm kinh doanh thì rất giàu, hoặc ra làm việc quan thì chức vị cao bỗng lộc hậu, hoặc nắm giữ binh quyền, nếu không cũng là người thẩm quyền trong giới học thuật, giới khoa học và công nghệ. Chắc chắn có nhiều kinh nghiệm, siêng năng bất chấp khó khăn nên về sau sẽ có thành tích tuyệt vời, cho nên mới gọi là "Thạch Trung Ẩn Ngọc". Người sinh năm Tân Quý là thượng cách, sinh năm Kỷ cũng tốt, Mệnh lập tại Tý, người sinh năm Canh cũng chủ cát lợi.

26.Tham Vũ Đồng Hành: thành tựu lớn lúc về già

Tham Lang, Vũ Khúc tại tứ mộ thủ chiếu mệnh thân. Cách này có 2 trường hợp: mệnh thân tại Sửu Mùi, Vũ Khúc Tham Lang đồng thủ; trường hợp thứ hai là Tham, Vũ tại Thìn Tuất một thủ mệnh cung một thủ thiên di. Mệnh cần có cát tinh hội hợp ở tam phương tứ chính mới thành cách. Nếu có Lộc Tồn, Phụ Bật, Xương Khúc, Khôi Việt cũng như cát hoá càng tốt, Hoả Tinh hoặc Linh Tinh đồng cung với Tham Lang cũng là một cách tốt. Người có cách này nếu theo văn nghiệp cũng đạt chức quan cao, còn như theo binh nghiệp thì nắm giữ binh quyền hùng mạnh, còn như kinh doanh sẽ là đại phú ông. Phần nhiều vận trình thời thiếu niên thường bất lợi, trước nghèo hèn sau mới giàu sang, phải sau 30 tuổi mới phát đạt.

27.Tam Hợp Hỏa Tham(Tham hỏa tương phùng): tài vận hanh thông

Tham Lang thủ mệnh gặp Hoả Tinh đồng cung tại mệnh hay ở tam phương củng chiếu chính là cách này. Hoả Tinh cùng với Tham Lang đồng thủ mệnh thì tốt đẹp hơn là gặp trong tam hợp, nếu như Tham Lang ở tại Thìn Tuất Sửu Mùi, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Khôi Việt hội hợp, chắc chắn là cách tuyệt đẹp, chủ đại phú đại quý. Ai mà theo binh nghiệp thì lập công to lớn, nắm giữ binh quyền của quốc gia, hoặc theo ngành kinh thương thì bạo phát, tài vận thênh thang. Có thêm Linh Tinh hội hợp càng tốt thêm nữa.

28. Tham Linh Triều Viên: lập nên sự nghiệp lớ

Tham Lang thủ Mệnh, gặp Linh Tinh tại cung Mệnh hoặc các cung tam phương tứ chính chiếu về, là thuộc cách cục này. Linh Tinh gặp Tham Lang đồng thủ tại cung Mệnh là tốt nhất, thứ đến là nằm tại cung tam hợp. Nếu sao Tham Lang nằm tại tứ mộ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi gặp Lộc Tồn, Khoa, Quyền, Lộc, Tả, Hữu, Khôi, Việt gia hội là cách hoàn mỹ, chủ về đại phú, đại quý. Người có cách cục này theo đi theo võ nghiệp sẽ lập nhiều chiến công, nắm giữ quyền lực quân sự của quốc gia. Kinh doanh sẽ phát tài nhanh chóng, tài vận hanh thông, nhất là khi gặp Hỏa Tinh.

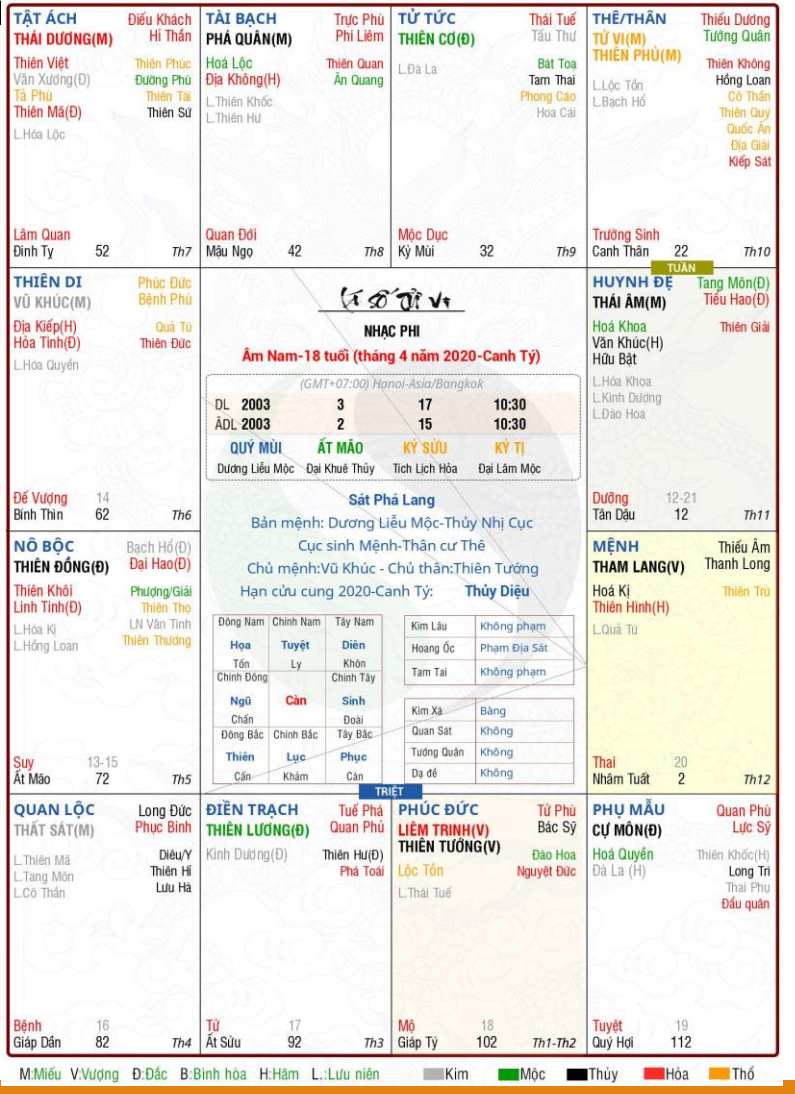

29.Thất Sát Triều Đẩu: ắt là đại tướng

Thất Sát thủ Mệnh, vào các cung Tý Ngọ Dần Thân, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt hội hợp chính là cách gọi là Thất Sát Triều Đẩu này. Thất Sát miếu tại cung Dần Thân, vượng địa ở cung Tý Ngọ. Thất Sát tại Thân, mệnh an tại Ngọ gọi là "Triều Đẩu", (Thất Sát) tại Dần, Mệnh an tại Tý gọi là "Ngưỡng Đẩu". Người có cách này thường mang nhiều sát khí trên mặt, tự mình phát đạt nhưng không tránh khỏi có lần thất bại, hoặc cũng là nguyên nhân mà không ít người bị chết dưới thủ hạ của mình. Người có cách này, đa phần hiển đạt về binh nghiệp, chỉ huy quân đội hùng mạnh, tuy không phải là người sáng lập công ty, nhưng cũng là tài năng trong thương giới, chắc chắn đại phú.

CÁC CÁCH CỤC CHÍNH TINH

Có nhiều cát tinh hội hợp, lại có hung tinh hội hợp trở thành phá cách, chủ thường hay thay đổi, lên rất nhanh mà xuống cũng nhanh, thậm chí có lúc phát đạt mà cũng không thể giữ cho lâu dài, kết cục đều là không tốt. Không có cát tinh hội hợp, chỉ là cách bình thường, không có cát tinh nhưng lại có sao hung đồng cung hội hợp, chắc chắn là hạng nghèo hèn, chủ hung ác, tàn tật, bôn ba, phạm tội, lao ngục, tuổi thọ không cao.

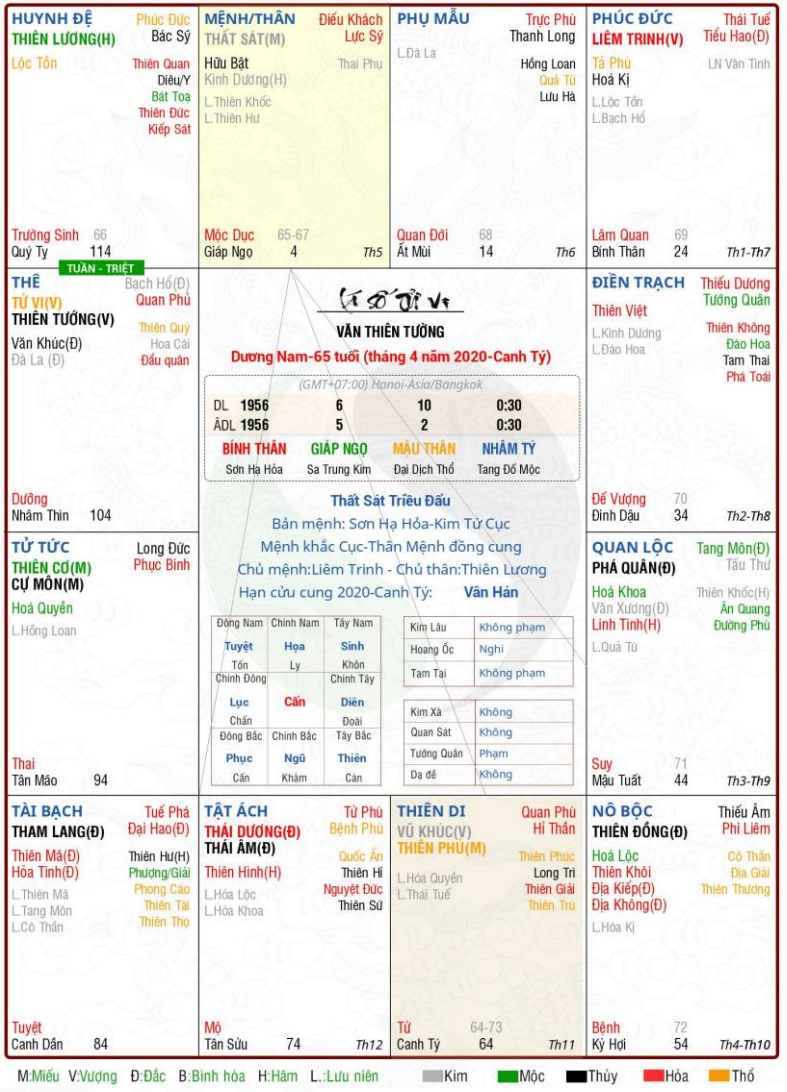

30.Cự Cơ Đồng Lâm

Cũng gọi là "Cự Cơ Đồng Cung cách", đây là cách có hai sao Cự Môn, Thiên Cơ đồng thủ Mệnh tại cung Mão, cùng với Lộc Tồn, Khoa Quyền Lộc, Tả Hữu, Xương Khúc đồng cung hay hội hợp. Người có đúng cách này, học vấn thuộc loại ưu tú bậc nhất, nên tham gia chính trị, chủ đại phú đại quý, tên tuổi vang dội thế giới. Cách cục kém một chút, buôn bán cũng có thể trở thành đại phú ông. Cự Cơ đồng cung tại Dậu thì không phải là cách này. Nữ mệnh bất luận tại Mão hay tại Dậu đều thích làm dáng.

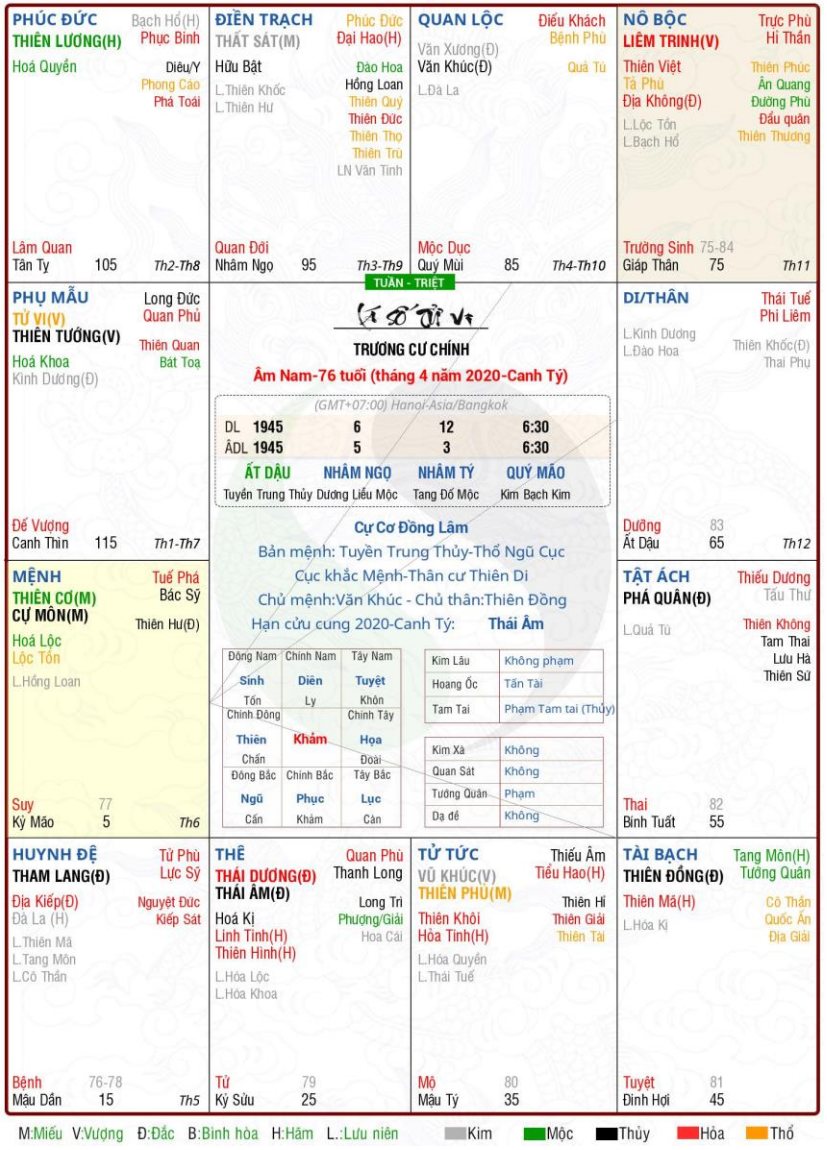

31. Thiên Ất củng mệnh (Tọa quý hướng quý): phùng hung hóa cát

Có 2 trường hợp

- Mệnh Khôi Thân Việt hoặc ngược lại
- Mệnh tại Sửu Mùi có Khôi hoặc Việt đối xung

Người cách cục này có học thức, có thể học lực cao, là người đoan chính, suốt đời hay giúp đỡ và được người khác giúp đỡ, gặp dữ hóa lành, giàu sang

Nữ mệnh không gặp cát tinh, dù có người khác trợ giúp, nhưng cũng chỉ là người bình thường

32.Văn Quế Văn Hoa

Mệnh hoặc thân tại Sửu Mùi có Văn Khúc; Văn Xương đồng cung, thêm cát tinh hội hợp chính là cách này. Mệnh tại Sửu, Xương Khúc tại Mùi, hoặc mệnh tại Mùi Xương Khúc tại Sửu chiếu về cũng là cách này. Người có cách này cử chỉ thanh lịch, tánh tình ôn hoà, thông minh chăm chỉ học tập, nhiều tài nghệ. Mệnh và tam phương tứ chính được cát tinh hội hợp nếu ở trong văn nghệ, học thuật chắc chắn có thành tựu lớn, cũng có phát triển trên đường chính trị, chủ giàu sang phú quý. Còn như có sát tinh đồng cung hay hội hợp thì cách đẹp bị phá mất, chủ người kiếm sống bằng tài nghệ khéo léo đặc biệt, đặc biệt là nghề nghiệp rất dễ phát triển ở vùng xa xôi hẻo lánh.

33.Tả Hữu Đồng Cung

Mệnh hoặc Thân tại Sửu Mùi, có Tả Phù Hữu Bật đồng cung, cùng với cát tinh đồng cung hay hội hợp chính là cách này. Người có cách cục này thường là người nghiêm trang, học thức và đức hạnh hơn đời, tánh hay giúp đỡ người khác, có khả năng thiết lập kế hoạch, đụng việc khó đều có cách giải quyết, luôn luôn đạt được kết quả tốt đẹp, hội hợp nhiều cát tinh, chủ phú quý, phần nhiều nắm giữ vai trò phụ tá người khác. Còn như tam phương tứ chính nhiều sát tinh hơn cát tinh, chỉ thuộc cách bình thường, không có gì đặc biệt.

35. Phụ củng văn tinh : tài năng tràn đầy

Văn xương tại cung Mệnh, được Tả phù vây chiếu, chủ mẫn tiệp hơn người, giàu có uy quyền

34.Quý Tinh Giáp Mệnh: thành công quý hiển

Cách cục này gồm bốn loại: Tử Phủ, Nhật Nguyệt, Tả Hữu, Xương Khúc giáp mệnh ,với điều kiện các sao ở tam phương tứ chính của cung Mệnh phải là cát tinh miếu vượng mới có thể giàu sang, thành tựu. Nếu quý tinh giáp các cung khác thì ảnh hưởng không đủ, tác dụng không lớn bằng cung Mệnh.

35.Quý Tinh Giáp Mệnh: thành công quý hiển

1. Tử Vi giáp Mệnh cách: Cung Mệnh tại Dần hay Thân giáp Tử Vi và Thiên Phủ, tam hợp Mệnh có cát tinh, chủ về giàu sang. Nếu không có cát tinh chiếu thì bình thường.

2. Nhật Nguyệt giáp Mệnh cách: Cung Mệnh tại Sửu hay Mùi giáp Thái Dương và Thái Âm, còn gọi là "Nhật Nguyệt giáp Tài cách"", với cách cục này, chỉ có Thiên Phủ hoặc Vũ Khúc, và Tham Lang đóng tại cung Mệnh, mà Thiên Phủ với Vũ Khúc đều là tài tinh, nên mới gọi là "Giáp Tài", nếu thủ tại cung Tài Bạch cũng tạo thành cách "Nhật Nguyệt giáp Tài". Mệnh có cát tinh trong tam hợp sẽ được phú quý, không có cát tinh thì bình thường.

3. Tả Hữu giáp Mệnh cách: Cung Mệnh tại Sửu hay Mùi giáp Tả Phụ và Hữu Bật, nếu Mệnh có cát tinh trong tam hợp sẽ được phú quý, không có cát tinh thì bình thường, chỉ là người có duyên.

4. Xương, Khúc giáp Mệnh cách: Cung Mệnh tại Sửu hay Mùi giáp Văn Xương và Văn Khúc , còn gọi là " Văn Tinh Ám Củng". Khi Xương Khúc giáp Mệnh thì là người có năng kiếu, thích nghi với chính trị, mỹ thuật, công chức, quản lý, tất sẽ thành công.

37. Tam kì gia hội: có thể thành sự nghiệp lớn

Ba sao Hóa Lộc Hóa Khoa Hóa Quyền được gọi là TAM KÌ. Nếu 3 sao này tập trung tại cung vị tam Phương tứ chính của cung mệnh thì gọi là cách cục tam kì gia hội Người có cách cục này thì chí lớn, vận khí cực tốt, gặp nhiều may mắn, thường gặp may bất ngờ hoặc có quý nhân phù trợ, cuộc đời dễ thanh sự nghiệp lớn.

Cần xem xét vấn đề miễu hãm của chính tinh cung Mệnh và các hung tinh tại tam Phương tứ chính

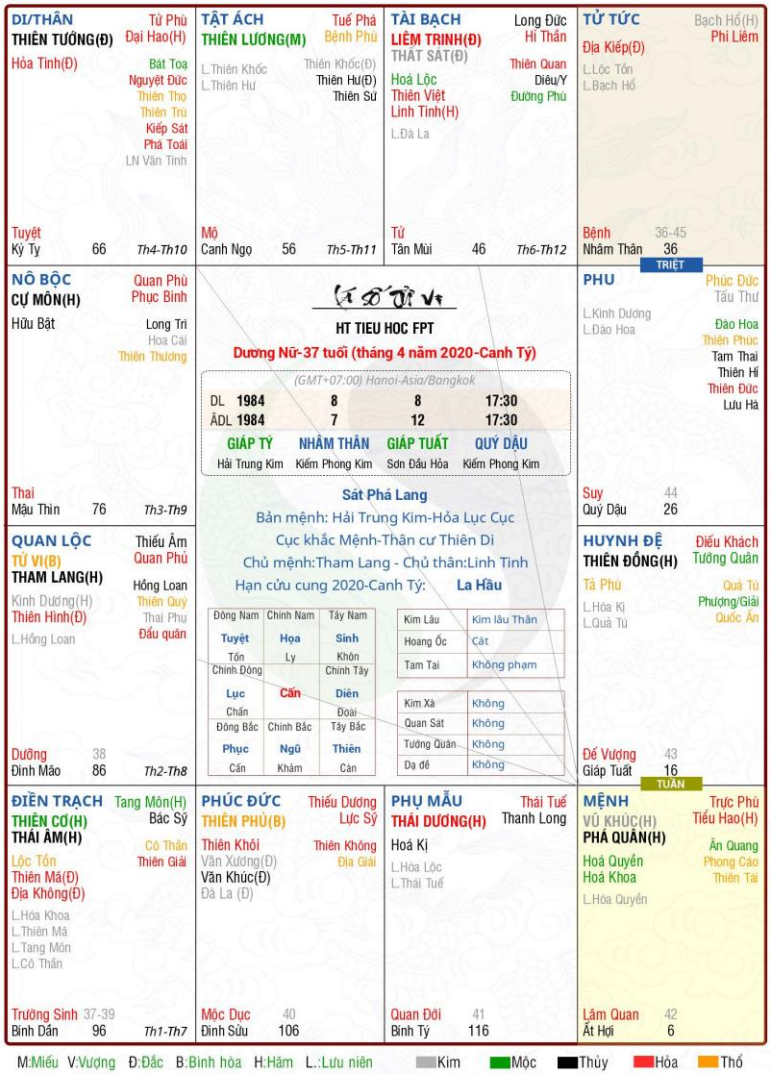

38. Quyền lộc tuần phùng : Tiền tài quan tước đều đẹp

- Sao hóa Lộc và hóa Quyền cùng ở cung Mệnh
- Sao Hóa Lộc và hóa Quyền hội chiếu ở cung vị tam Phương tứ chính

Các sao ở cung Mệnh cần phải miếu vượng, tại cung vị tam Phương tứ chính phải có cát tinh hội hợp mới có thể luận được phú quý

39. Khoa danh hội lộc: quyền uy hơn người

Sao hóa khoa đóng ở Mệnh, sao hóa Lộc hội chiếu, chủ tài năng & có danh tiếng

26. Khoa Quyền Lộc giáp Mệnh: có thể giàu sang

Có 2 trong 3 sao Khoa Quyền Lộc giáp mệnh
Các sao ở cung Mệnh cần phải miếu vượng, tại cung vị tam Phương tứ chính phải có cát tinh hội hợp mới có thể luận được phú quý

27. Song Lộc giáp mệnh: Suốt đời đầy phúc

Lộc tồn và Hóa Lộc giáp Mệnh

Các sao ở cung Mệnh cần phải miếu vượng, tại cung vị tam Phương tứ chính phải có cát tinh hội hợp mới có thể luận được phú quý

40. Quyền sát hóa Lộc: tình tình cương cường, dũng mãnh

Sao Kình, Đà, Hỏa thủ mệnh nhập miếu, cung vị tam Phương tứ chính có cát tinh hội chiếu. Người có mệnh này chủ về tính cách cương cường dũng mãnh, anh hùng khí khái

Cuộc đời trải qua nhiều thập tử nhất sinh, thích hợp nghiệp võ, các ngành đầu cơ mạo hiểm, có thể thanh tựu lớn

Nếu không gặp cát tinh là kẻ hung dữ, dễ tàn tật, ngục tù hoặc yểu mệnh

41. Lộc văn củng mệnh: không sát tinh thì phú quý

Lộc tồn thủ mệnh, cung vị tam Phương tứ chính có văn xương văn khúc vây chiếu. Nếu không thấy sát tinh thì rất phú quý

42. Giáp đệ đăng dung: văn chương cái thế

Hóa Khoa tại cung Mệnh , Hóa Quyền ở tam Phương chầu về là đúng cách, chủ về thông minh hơn người, thi cử đỗ đạt cao, lại có văn chương cái thế, hoặc có sang tạo và phát minh trong các lĩnh vực như học thuật, KHKT, thích hợp giữ chức vụ quản lý

43. Lộc hợp uyên ương: suốt đời giàu có

Lộc tồn và Hóa Lộc cùng ở cung Mệnh, người có cách cục này một đời tài vận hanh thông, không thể không thanh cự phú, phần nhiều làm chủ doanh nghiệp, giám đốc công ty hoặc nhà kinh doanh bất động sản, nếu không cũng là quan chức cấp cao

44. Song lộc triều viên: tài phú thêm nhiều

Lộc tồn và Hóa Lộc hội chiếu cung Mệnh ở tam Phương tứ chính

45. Minh Lộc ám Lộc: như gâm thêm hoa

Cung Mệnh có Hóa Lộc hoặc Lộc tồn nhị hợp với Lộc Tồn hoặc Hóa Lộc

Trường hợp Mệnh Tại Tị, Điền tại Thân là cách cục đẹp nhất

46. Lộc Mã bội ấn: có thể làm quan cao

Lộc tồn hoặc hóa Lộc cùng Thiên Mã Thiên Tướng cùng thủ mệnh miếu vượng là cách cục này

47. Lộc Mã giao trì: có tài lộc nơi xa

Tại cung vị tam Phương tứ chính của cung Mệnh có Lộc tồn hoặc Hóa Lộc, lại có Thiên Mã hội chiệu là cách cục này
Chủ về phát tài ở nơi đất khách quê người, hoặc có tiền tài từ nơi xa, hoàn cảnh có nhiều thay đổi lớn, thường đi xa, du lịch, về sự nghiệp chủ về bôn ba vất vả để làm ăn, gặp nhiều cát tinh thì là cự phú

48. Tài lộc giáp mã: dám mạo hiểm

Thiên mã tại Mệnh, ở hai cung bên cạnh có Vũ Khúc, Hóa Lộc, cung mệnh lại thêm Trường Sinh, Đế Vượng.

Chủ ham đầu cơ mua bán, dám mạo hiểm, không ngại khó, trước nghèo sau giàu, nhưng kém sang quý

49. Hóa Tinh Phản Quý: tuổi Đinh, Tân quý hiển

Mệnh an cung Tuất có Thiên Đồng hợp với người tuổi Đinh. Mệnh an tại Thìn có Cự Môn hợp với người tuổi Tân, đây chính là cách Hoá Tinh Phản Quý. Bởi vì Thiên Đồng vốn hãm ở Tuất tức là không có lợi ích, nhưng với người tuổi Đinh, ở cung Dần có Thái Âm hoá Lộc, Thiên Cơ hoá Khoa, mệnh cung Thiên Đồng hoá Quyền, đối cung có Cự Môn hoá Kỵ xung chiếu, trở thành cách đại phú đại quý. Tương tự, Cự Môn hãm ở Thìn vốn là không có ích lợi, nhưng với người tuổi Tân thì Cự Môn hoá Lộc, lại thêm ở Dậu có Lộc Tồn (Thìn Dậu nhị hợp) thành ám hợp, cung Tài Bạch thì có Thái Dương hoá Quyền chắc chắn chủ về giàu sang, nếu như lại có Văn Xương hoá Kỵ ở Mệnh hay Thiên Di cũng không luận xấu, vẫn chủ về giàu sang. Chỉ khi thêm Hoả Linh Không Kiếp mới trở thành phá cách.

50. Mã đầu đới tiễn: nghiệp võ hiển quý

Cung Ngọ là Mã, Kình dương là mũi tên, nên gọi là Mã đầu đới tiễn. Có 2 trường hợp:

- Thiên Đồng Thái Âm thủ mệnh tại Ngọ, người sinh năm Bính, Mậu, có Kình dương tại cung Mệnh, được thêm cát tinh hội chiếu
- Tham lang thủ mệnh tại Ngọ, người sinh năm Bính, Mậu có Kình dương, cũng là cách này, nếu có them Hỏa, Linh, Phụ Bật đồng cung hoặc hội chiếu càng tốt

Người có cách này, chủ về nghiệp võ quý hiển, thống lĩnh quân đội ở biên ải, thích hợp kinh donah, sang lập công ty nhưng phải xa quê hương, bôn ba bên ngoài, tuổi trẻ vất vả khổ cực, đến trung niên mới gặp vận tốt bất ngờ, vượt qua khó khăn mà thanh đại phú quý

Lưu ý: Nữ mệnh gặp cách này không chắc sẽ giàu sang

1. Phong vân tế hội (Gặp hội phong vân): Hai cung thân, mệnh suy yếu, bất lực nhưng đại hạn, tiểu hạn có rất nhiều cát tinh, Lộc Mã giao trì, cung tam phương có cát tinh hội chiếu, vẫn có được cơ hội phát triển cực tốt, nhưng khi hạn qua đi, lại trở về nghèo khó.

2. Cẩm thượng thêm hoa (Gấm lại thêm hoa): Hạn phá gặp hung tinh, như hạn Tý không tốt nhưng hạn Sửu tốt, khi hết hạn Tý sang hạn Sửu, được cát tinh tại cung tam phương củng chiếu, gặp cả Lộc Quyền cũng sẽ phát tài nhanh chóng.

3. Lộc suy Mã khốn: Lộc Mã là Tài quan, nếu Lộc suy nhược, tức sao Lộc nằm tại cung Không vong, Kiếp, Hao, Mã bị khốn, tức Lộc Mã rơi vào cung hãm, gặp sát tinh hai hạn và Thai Tuế gặp phải ắt sẽ phá gia bại sản, tiền của tiêu tán.

4. Ý cẩm hoàn hương (Áo gấm về quê): Vũ Khúc, Tham Lang, Thiên Đồng trấn tại cung mộ, thời trẻ nghèo khổ, nếu vận hạn gặp cát địa, từ năm 30 tuổi về sau sẽ phát đạt.

5. Bộ số vô y (Không chốn nương thân): Hạn trước tiếp hạn sau, hành vận đều rơi vào cung hãm, gặp phải cách cục này chủ về lênh đênh cô độc.

6. Thủy thượng giá ốc (Xây nhà trên nước): Một hạn tốt tiếp một hạn xấu, tựa như cơn sóng lúc lên lúc xuống. Nên cuộc đời cũng lúc tốt lúc xấu.

7. Cát hung tương bạn (cát hung lẫn lộn): Mệnh gặp cả cát tinh và hung tinh, nếu phối hợp thích đáng để giữ tốt bỏ xấu, sẽ được hưởng phú quý. Nếu kết hợp không tốt, khiến cát tinh bị ức chế, hung tinh được trợ giúp, sẽ là mệnh bần hàn cô độc, cần phải an phận thủ thường, biết chấp nhận hoàn cảnh.

8. Khô mộc phùng xuân (Cây khô gặp xuân): Người xưa có câu " Cây khô gặp xuân còn nảy lộc, Làm người sẽ có lúc gặp thời". Tức mệnh tuy suy nhược, nhưng vận hạn gặp cát địa, vẫn được giàu có, như cây khô gặp mùa xuân, lại đâm chồi nảy lộc.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP PHÁ CÁCH

1. .Cung mệnh tuy nhiều cát tinh nhưng lại xuất hiện Không, Kiếp cùng các sát tinh khác sẽ không được tốt đẹp trọn vẹn.
2. Cung mệnh tuy có quý tinh nhưng cung Lộc gặp Không.
3. Cung mệnh tuy có Văn tinh nhưng cung đối diện có Kình, Đà, Không, Kiếp trực xung.
4. Cung mệnh không có cát tinh, tại cung tật ách có hai sao Thái Dương, Thái Âm kèm sát tinh chủ về mù mắt gù lưng, chắc chắn sẽ bị tàn tật hoặc thương tật.
5. Mệnh đóng tại Tỵ, Hợi, Thiên Cơ trấn mệnh, nếu có cát tinh hình thành cách cục chủ cát lợi, nhưng tính tình gian trá. Nếu không hợp thành cách cục, là kẻ tiểu nhân vô sỉ.
6. Văn Khúc nằm một mình tại cung Tuất, cung Dần có hai sao Thái Dương, Cự Môn hội chiếu chủ về dễ ly dị vợ, chồng.

Các tổ hợp sao trong hung cách (cách cục xấu) phần lớn là do sát tinh bị kìm kẹp hoặc sát tinh xung phá lẫn nhau tạo nên.

Cách cục Hung khiến cho mọi việc đều khó thuận lợi

1. Dương Đà giáp sát

Cung của Sát tinh bị Kinh dương, Đà La ở hai bên cạnh là cách cục này:

- Dương Đà giáp Hỏa
- Dương Đà giáp Linh
- Dương đà giáp Địa không
- Dương Đà giáp Địa Kiếp
- Dương Đà giáp Lưu Kình
- Dương Đà giáp Lưu Đà
- Lưu Dương Lưu Đà giáp Kình
- Lưu Dương Lưu Đà giáp Đà

2. Hỏa Linh giáp Sát

Sát tinh bị Hỏa tinh, Linh tinh ở hai cung bên cạnh kèm.

3. Không Kiếp giáp Sát

Sát tinh bị Địa Không, Địa Kiếp ở hai cung bên cạnh kèm.

4. Song Kị giáp Sát

Hóa kị của năm sinh, đại hạn, lưu niên, hai trong số ấy kẹp cung có sát tinh

5. Tam Phương giai Sát

Ba cung Mệnh, Tài, Quan đều có sát tinh, gặp vận có Kị, hoặc Sát tinh thì hung

6. Thất Sát Dương Đà điệt tịnh

Thất Sát, Kình Dương, Đà la đông cung hoặc hội chiếu, lưu niên lại gặp them Kinh Đà, ắt sẽ có hiện tượng hung hại

CÁC CÁCH CỤC ÁC

Căn cứ vào lý luận Tử Vi Đẩu số, nếu lá số hình thình nên ác cách, thì mọi việc đều bất . Tổ hợp ác cách chủ yếu được hình thành khi sao Hóa Kỵ bị kìm kẹp khắc chế. Hung cách nếu bị sao Kỵ tác động cũng có thể tạo thành ác cách.

Ác cách chủ yếu được tổ thành khi sao Hóa Kỵ, bị kìm kẹp khắc chế, hoặc khi sao Kỵ kìm kẹp các sát tinh khác hình thành cách cục. Hung cách nếu bị Kỵ tinh tác động cũng có thể tạo thành ác cách.

CÁC CÁCH CỤC ÁC

- **Dương Đà giáp Kỵ**: Tam đại Kỵ tinh nằm tại những cung vị bị Kình Dương, Đà La kìm kẹp.
- **Hỏa Linh giáp Kỵ**: Tam đại kỵ tinh nằm tại những cung vị bị Hỏa Tinh, Linh tinh kìm kẹp.
- **Không Kiếp giáp Kỵ**: Tam đại Kỵ tinh nằm tại những cung vị bị Không, Kiếp kìm kẹp.
- **Song Kỵ giáp Kỵ:** Tam đại Kỵ Tinh kìm kẹp lẫn nhau, tại cung vị bị kìm kẹp sẽ hình thành cách cục Song Kỵ giáp Kỵ.
- **Tam phương Kỵ ,Sát:** Tại cung vị cần suy đoán, cung vị tam phương đều có sát tinh trấn thủ.
- **Hóa Kỵ giáp Sát:** Sao Kỵ kìm kẹp Hỏa Dương, Hỏa Đà, Dương Linh, Linh Đà tạo thành cách cục.

Trong Tử Vi Đẩu Số, có một số cách cục khó có thể quy nạp vào cát cách, hung cách hay ác cách, nhưng bản thân chúng cũng mang những quy luật, mô thức nhất định nên được vào loại " Cách cục đặc thù". Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày lần lượt về những cách cục đặc thù này

- **Linh Xương Đà Vũ:** Bốn sao Linh Tinh, Văn Xương, Đà La, Vũ Khúc tổ hợp thành cách cục. Nếu không có Đà La, có Lưu niên Đà La cũng được. Nếu tổ hợp được cách cụ, lại gặp Lộc sẽ được cát lợi, gặp kỵ lai thành bất lợi.
- **Thiên Cơ, Thiên Lương Kình Dương hội:** Tổ hợp các sao Thiên Cơ, Thiên Lương, Dương Nhận (hoặc Đà La).
- **Hình tù giáp Ấn:** Tổ hợp của ba sao Liêm Trinh (hóa khí là Tù), Thiên Tướng (hóa khí là Ấn), Kình dương (hóa khí là hình), nếu thiếu Kình Dương có thể thay bằng Đà la..

- **Lộ thượng mai thi** (chôn xác trên đường): Tổ hợp ba sao Liêm Trinh, Thất Sát, Dương Nhận (Đà La).
- **Mã đầu đới tiễn** (đầu ngựa mang tên): Kình dương trấn mệnh tại cung Ngọ, hai cung bên cạnh có hai sao Lộc kìm kẹp.
- **Cự Hỏa Dương:** Tổ hợp của ba sao Cự Môn, Hỏa Tinh, Kình DƯơng, cũng là một dạng của cách cục giáp sát thành cách (kèm sát tinh thành cách cục).
- **Cự Linh Dương:** Tổ hợp của ba sao Cự Môn, Linh Tinh, Kình dương cũng là một dạng của cách cục giáp sát.
- **Sát cách:** Các cách cục được tổ hợp bởi bôn nhóm sát tinh Hỏa Dương, Hỏa Đà, Linh Dương, Linh Đà.
- **Giáp sát thành cách:** Bất kỳ chủ tinh nào kìm kẹp một trong bốn tổ hợp sát tinh trên. Ví dụ như Tử Vi nằm cùng cung hoặc hội chiếu Hỏa, Dương, Tử Vi sẽ trở thành Giáp Sát thành cách.

- Hỏa Dương Không: Tổ hợp Hỏa Tinh, Kình Dương, Thiên Không được hình thành khi cách cục Hỏa Dương bị Thiên Không xung phá.
- Hỏa Đà Không: Tổ hợp Hỏa Tinh, Đà La, Thiên Không được hình thành khi cahcs cục Hỏa Đà bị Thiên Không xung phá.
- Hỏa Dương Kiếp: Tổ hợp Hỏa Tinh, Kình Dương, Địa Kiếp được hình thành khi Hỏa Dương bị Địa Kiếp xung phá.
- Hỏa Đà Kiếp: Tổ hợp Hỏa Tinh, Đà La, Địa kiếp được hình thành khi Hỏa Đà bị Địa Kiếp xung phá.
- Linh Dương Không: Tổ hợp Linh Tinh, Kình Dương, Thiên Không được hình thành khi Linh Dương bị Thiên Không xung phá.
- Linh Đà Không: Tổ hợp Linh Tinh, Kình Dương, Thiên Không được hình thành khi Linh Đà bị Thiên Không xung phá.
- Linh Dương Kiếp: Tổ hợp Linh Tinh, Kình Dương, Địa Kiếp được hình thành khi Linh Dương bị Địa Kiếp xung phá.
- Linh Đà Kiếp: Tổ hợp Linh Tinh, Đà La, Địa Kiếp được hình thành khi Linh Đà bị Địa Kiếp xung phá.Các cách ở trên nếu được song Lộc phù trợ thì tốt lành, Nếu bị Kị thì chủ về tai họa bất thình lình. Nếu cả Lộc cả Kị thì tuy tổn thương nguyên khí nhưng từ đó lại có cơ hội đến

- Trong tám tổ hợp cách cục ơ trên đây, nếu các sao đồng cung được hai lộc phò trợ (đặc biệt khi hình thành cách cục Song Lộc phụ Lộc) là cát lợi nhất, có thể phát huy được đồng thời cả thế phát triển của " Hỏa Không sẽ phát" và " Kim không sẽ vang" nhưng nếu bị Kỵ tinh kìm kẹp, sẽ gặp phải tai họa bất thình lình khiến cho trở tay không kịp.
- Tám tổ hợp này đều là những cách cụ bị Không, Kiếp xung phá, khi được sao Lộc hội chiếu sẽ bộc lộ được ít nhiều điểm tốt lành. Nếu theo các nghành nghiên cứu, thiết kế, khai thác, sẽ có những phát triển nhất định.
- Nếu bị kỵ tinh xâm nhập, sẽ trở thành trạng thái " Hung không hoàn toàn", tuy tổn thương đến nguyên khí, nhưng lại có được cơ hội bắt đầu mới, bởi khi sao Lộc đại hạn hoặc lưu niên xuất hiện sẽ khiến cho " Đã phát lại vang". Nhưng do tổ hợp này mang tính bất quy tắc, nên rất khó nắm bắt.

Lá số Tử Vi Đẩu số muôn hình vạn trạng, thiên biến vạn hóa, chắc chắn sẽ có lúc tổ hợp nên hung cách, ác cách, thậm chí có thể cùng một lá số xuất hiện nhiều loại hung cách khác nhau. Nếu không may gặp phải những cách cục này, phải chăng cuộc đời đã không còn hy vọng? Sự thực không phải là như vậy! Nếu biết cách bổ trợ, ứng cứu cho những thiếu khuyết này, vẫn có thể tìm cát tránh hung.

Khi xem xét lá số Tủ Vi, cổ nhân quan niệm " Biết mệnh trời mà không lo lắng" đó chính là một thái độ đúng đắn trong nghiên cứu mệnh lý. Khi gặp phải hung cách, ác cách, càng phải quán triệt tâm thái này, và biết áp dụng những biện pháp tích cực để bổ cứu cho lá số.

CÁCH HỎA GIẢI HUNG ÁC CÁCH

1. Dùng vận bổ cứu cho mệnh: Nếu cách cục tổng thể của lá số là không tốt, nhưng Đại tiểu hạn và lưu niên lại có cát tinh trấn thủ có thể lợi dụng vận trình để thêm phần cát lợi.

2. Dùng thuốc đúng bệnh: Căn cứ vào tình trạng, mức độ hung hại cụ thể của lá số để vận dụng những đối sách hợp lý, như tại cung tài bạch có sao Không, nên tránh theo nghiệp kinh doanh, đầu cơ.

3. Khéo vận dụng: Người xưa căn cứ vào những điều kiện và hoàn cảnh đương thời để suy đoán mệnh lý, cùng với sự phát triển của xã hội có nhiều những nhân tố mà xưa kia được coi là không cát lợi, đến nay đã có được điều kiện để phát huy tác dụng tích cực, như người xưa quan niệm sao Xương, Khúc không hợp với mệnh nữ nhưng trong xã hội ngày nay, hai sao này mang lại cơ hội cho mệnh nữ phát triển về tài năng nghệ thuật.

CHU ĐỊNH SƠN
P401 SỐ 21 LÔ 1B ĐƯỜNG TRUNG YÊN 11A, CẦU GIẤY HÀ NỘI
0566.09.7777
CHUDINHSON@GMAL.COM
HTTPS://SONCHU.VN

BẢN QUYỀN THUỘC VỀ SONCHU.VN